




Member of VIMC 

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 04 năm 2022

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM.
- Tên tiếng Anh : VIETNAM OCEAN SHIPPING AGENCY CORPORATION.
- Tên viết tắt : VOSA CORPORATION.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0300437898, đã được bổ sung, sửa đổi lần thứ 13 (ngày 08/07/2021).
- Vốn điều lệ: 140.964.860.000 đồng.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 140.964.860.000 đồng.
- Địa chỉ: Lầu 5, Số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Số điện thoại: (84 - 28) 54161820 – 54161821 – 54161822.
- Số fax: (84 - 28) 54161823 – 54161824.
- Website: <http://www.vosa.com.vn>
- Mã cổ phiếu: VSA

❖ Quá trình hình thành và phát triển:

- Công ty Đại lý Tàu biển Việt Nam, nay là Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam, được thành lập ngày 13/03/1957 theo Nghị định số 50/NĐ của Bộ Giao thông và Bưu điện.
- Ngày 08/08/1989: Công ty Đại lý Tàu biển Việt Nam được đổi tên thành Đại lý Hàng hải Việt Nam theo Quyết định số 1436/QĐ/TCCB-LĐ của Bộ Giao thông vận tải.
- Ngày 12/05/1993: Đại lý Hàng hải Việt Nam (VOSA) được thành lập lại theo Quyết định số 885/QĐ/TCCB-LĐ của Bộ Giao thông Vận tải, là doanh nghiệp hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam.
- Ngày 30/12/2005: Bộ Giao Thông Vận Tải ra Quyết định số 5099/QĐ-BGTVT về việc “Phê duyệt phương án và chuyển Đại lý hàng hải Việt Nam, đơn vị thành viên hạch toán độc lập của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam thành công ty cổ phần”.
- Ngày 31/03/2006: Bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng tại Trung tâm giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.
- Ngày 14/06/2006: Đại hội cổ đông thành lập Công ty CP Đại lý Hàng hải Việt Nam.
- Ngày 20/10/2006: Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam nhận Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số: 4103005432 do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch & Đầu tư TP. HCM cấp.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh chính: Đại lý tàu biển. Dịch vụ logistics. Đại lý vận tải (giao nhận kho vận, kho ngoại quan). Vận tải đa phương thức quốc tế. Kinh doanh kho bãi. Đại lý, kiểm đếm hàng hóa. Môi giới và dịch vụ hàng hải.
- Địa bàn kinh doanh của Công ty trải dài trên toàn quốc, từ Móng Cái đến Cà Mau, trong đó địa bàn hoạt động kinh doanh chính là TP. Hồ Chí Minh, TP. Hải Phòng, Tỉnh Quảng Ninh.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

- Mô hình quản trị: Mô hình quản trị của Công ty gồm Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, các Tiểu Ban thuộc Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, các Phòng chuyên môn nghiệp vụ, các Chi nhánh trực thuộc, các Văn phòng đại diện, các Công ty con và các Công ty VOSA góp vốn.

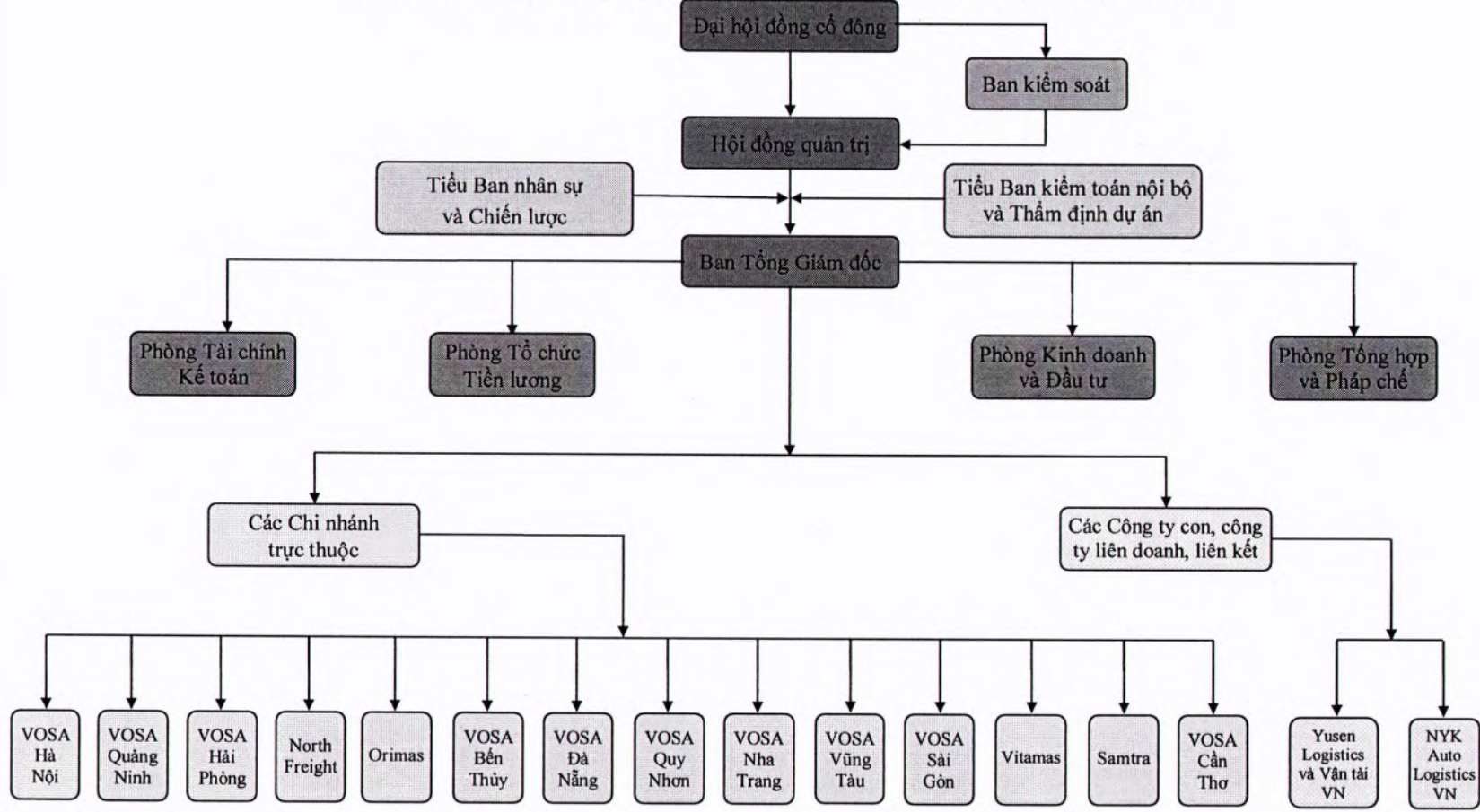
- Cơ cấu bộ máy quản lý: Công ty cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020, các Luật khác và Điều lệ Công ty cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập thông qua ngày 14/06/2006 và bổ sung, sửa đổi ngày 27/04/2021.

- Ngày 25/08/2021, Hội đồng quản trị ban hành Quyết định số 201/QĐ-VOSA/HĐQT v/v thành lập Tiểu Ban Nhân sự và Chiến lược thuộc Hội đồng quản trị Công ty.

- Ngày 25/08/2021, Hội đồng quản trị ban hành Quyết định số 202/QĐ-VOSA/HĐQT v/v thành lập Tiểu Ban Kiểm toán nội bộ và Thẩm định dự án thuộc Hội đồng quản trị Công ty.

- Ngày 09/09/2021, Hội đồng quản trị ban hành Quyết định số 218/QĐ-VOSA/HĐQT v/v sắp xếp, tổ chức lại các Ban tham mưu của Công ty. Chi tiết như sau: sáp nhập Ban Kinh tế Đối ngoại, Ban Quản lý Đầu tư và đổi tên thành Phòng Kinh doanh và Đầu tư; đổi tên Ban Tổ chức Tiền lương thành Phòng Tổ chức Tiền lương, Ban Tài chính Kế toán thành Phòng Tài chính Kế toán; thành lập mới Phòng Tổng hợp và Pháp chế.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM



- Các công ty con, công ty liên kết:

TT	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Quan hệ	Lĩnh vực KD chính	Vốn điều lệ thực góp	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Công ty TNHH Yusen Logistics và Vận tải Việt Nam	Phòng 805, Tòa nhà HITC, 239 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội	Công ty liên doanh	Dịch vụ ĐLVT đường bộ, đường thủy, kho bãi, xếp dỡ hàng hóa	51.000 USD	51 (*)
2	Công ty TNHH NYK Auto Logistics (Việt Nam)	Toà nhà Saigon Riverside Center, 2A-4A Tôn Đức Thắng, Quận 1, TP.HCM	Công ty liên doanh	Dịch vụ đại lý vận tải, dịch vụ kho bãi và lưu giữ hàng hóa	320.000 USD	20

(*) Theo hợp đồng liên doanh: Công ty thỏa thuận nhượng quyền điều hành sản xuất kinh doanh cho đối tác và nhận tiền đền bù.

- Các Công ty có vốn góp:

TT	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Quan hệ	Lĩnh vực KD chính	Vốn góp của Công ty	Chiếm tỷ lệ (%)
1	Công ty TNHH Yusen Logistics Việt Nam	Phòng 805, Tòa nhà HITC, 239 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội	Công ty liên doanh	Dịch vụ đại lý vận tải, kho bãi, logistics	4.000 USD	1,00
2	Công ty CP Vinalines Logistics	P.405, tầng 4, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, Hà Nội	Góp vốn	Dịch vụ logistics	50.000 cổ phiếu	0,35
3	Cảng LOTUS	1A Nguyễn Văn Quỳ, P. Phú Thuận, Q. 7, TP. HCM	Góp vốn	Khai thác cảng	23.705 USD	0,27
4	Ngân hàng TMCP Hàng hải (Maritime Bank)	88 Láng Hạ, Q. Đống Đa, Hà Nội	Đầu tư khác	Tài chính, ngân hàng	1.187.407 cổ phiếu	0,08

4. Định hướng phát triển:

*** Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:**

- Xây dựng và phát triển thương hiệu của Công ty luôn là một doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực dịch vụ hàng hải và logistics; với chiến lược phát triển ổn định và bền vững trên nền tảng kinh doanh cốt lõi là dịch vụ đại lý tàu biển, đại lý vận tải và logistics gắn với chú trọng đầu tư có trọng tâm, trọng điểm phát triển cơ sở hạ tầng logistics, nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng các nguồn lực của Công ty.

- Tối đa hóa lợi nhuận cho Công ty và các cổ đông trên cơ sở xây dựng hệ thống quản lý, điều hành tinh giản, gọn nhẹ, hiệu lực, hiệu quả, ứng dụng công nghệ thông tin và công cụ quản lý tiên tiến, quản trị tốt nhất các nguồn lực và hoạt động SXKD.

- Đa dạng hoá các hình thức đầu tư, kinh doanh cốt lõi của Công ty.

- Nâng cao năng lực cạnh tranh để mở rộng mạng lưới và các hoạt động sản xuất kinh doanh ra thị trường thế giới.

- Phát triển, đào tạo nguồn nhân lực chuyên môn chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển SXKD kết hợp với chế độ quản lý nhân sự và gìn giữ, đảm bảo quyền lợi chính đáng và tạo môi trường làm việc tốt nhất cho người lao động.

*** Chiến lược phát triển trung và dài hạn:**

- Tập trung phát triển dịch vụ logistics: tiếp tục đầu tư hệ thống kho bãi, phương tiện; liên kết với các khách hàng lớn, tiềm năng để đầu tư và phát triển kho bãi, phương tiện vận tải.
- Xây dựng kế hoạch phát triển vận tải đa phương thức.
- Mở rộng mạng lưới hoạt động ra thị trường thế giới.
- Tối đa hóa lợi nhuận cho Công ty và các cổ đông trên cơ sở đẩy mạnh sản xuất kinh doanh, ứng dụng công nghệ mới.
- Quản trị và phát triển tốt nguồn nhân lực, đảm bảo quyền lợi chính đáng và tạo môi trường làm việc tốt nhất cho người lao động.

*** Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty:**

- Công ty luôn thực hiện tốt trách nhiệm bảo vệ môi trường trong SXKD, không gây ô nhiễm hay tác động xấu đến môi trường (như giảm mức tiêu hao nguyên, nhiên vật liệu, sử dụng nước, sử dụng năng lượng, hướng đến việc tăng cường sử dụng năng lượng tái tạo và thân thiện với môi trường) tại các địa bàn kinh doanh; thực hiện trách nhiệm đối với xã hội, cam kết tham gia các hoạt động từ thiện và các chương trình nhân đạo, đền ơn đáp nghĩa, hỗ trợ cộng đồng v.v.

5. Các rủi ro:

- Hoạt động trong lĩnh vực chính là dịch vụ hàng hải (đại lý tàu biển, cung ứng, kiểm đếm hàng hóa và các dịch vụ đi kèm v.v.), dịch vụ logistics (đại lý vận tải, kho bãi và các dịch vụ liên quan) và thương mại xuất nhập khẩu tiểu ngạch, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam phụ thuộc rất lớn vào tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế (GDP) nói chung và hoạt động xuất nhập khẩu nói riêng. Bên cạnh đó, những biến động vĩ mô như dịch bệnh, tỷ giá hối đoái, lãi suất, tỷ lệ lạm phát... cũng tác động gián tiếp lên hoạt động kinh doanh của Công ty như mọi ngành nghề kinh doanh khác.

5.1. Rủi ro về kinh tế:

- Việt Nam là nền kinh tế có lượng xuất khẩu vượt qua GDP và dễ bị ảnh hưởng bởi nhu cầu của ba thị trường hàng đầu là Mỹ, Trung Quốc và Liên minh châu Âu. Xung đột thương mại Mỹ-Trung bắt đầu từ tháng 04/2018 và đến nay diễn biến leo thang căng thẳng đã tác động mạnh đến thương mại toàn cầu, trong đó Việt Nam là một nền kinh tế có độ mở cao cũng chịu nhiều tác động. Từ đầu năm 2020, dịch Covid-19 bùng phát và hiện vẫn chưa được kiểm soát, đã tác động nặng nề đến kinh tế, thương mại toàn cầu. Trong năm 2021, hoạt động xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam vẫn giữ được mức tăng dương, nhất là đặt trong bối cảnh các nền kinh tế khu vực và thế giới có mức tăng trưởng âm. Tuy nhiên, Kinh tế Việt Nam cũng sẽ không miễn nhiễm với việc chậm lại của kinh tế toàn cầu trong thời gian tới dù được xem là người hưởng lợi chính từ căng thẳng thương mại Mỹ - Trung.

- Suy thoái kinh tế toàn cầu đã làm chậm lại dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đổ vào Việt Nam trong năm 2020. Theo số liệu công bố của Tổng cục Thống kê cho thấy, tổng vốn đầu tư nước ngoài (FDI) vào Việt Nam tính đến ngày 20/12/2020 bao gồm vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 28,5 tỷ USD, giảm 25% so với năm 2019. Vốn FDI thực hiện năm 2020 ước tính đạt gần 20 tỷ USD, giảm 2% so với năm trước. Ngoài ra, 2.523 dự án được cấp phép mới với số vốn đăng ký đạt 14,6 tỷ USD, giảm 35% về số dự án và giảm 12,5% về số vốn đăng ký so với năm trước.

- Triển vọng trong trung hạn của Việt Nam vẫn có một số rủi ro theo hướng suy giảm cả từ trong nước và bên ngoài. Dự báo trung hạn nhiều doanh nghiệp lớn toàn cầu có xu hướng đầu tư trở lại nước sở tại Bắc Mỹ, EU dẫn đến xáo trộn dòng vốn đầu tư toàn cầu.

- Nhìn từ trong nước, chậm trễ trong triển khai những cải cách cơ cấu có thể làm cho viễn cảnh tăng trưởng trung hạn trở nên xấu đi khi tham gia vào các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới (FTA).

- Nhìn từ bên ngoài, tranh chấp thương mại giữa các nền kinh tế lớn có thể ảnh hưởng xấu đến đà xuất khẩu trong ngắn hạn, trong khi đó nền kinh tế Việt Nam vẫn dễ bị ảnh hưởng nếu nền kinh tế toàn cầu tiếp tục suy giảm qua các kênh thương mại và đầu tư.

- Sự quan tâm của nhà đầu tư nước ngoài có thể nguội đi khi nhiều nhà đầu tư có thể đình hoãn hoặc hủy dự án. Nếu cả xuất khẩu và dòng vốn FDI đều chững lại, nền kinh tế Việt Nam có thể mất đi động lực tăng trưởng chính. Đại dịch Covid-19 đã làm đứt gãy chuỗi cung ứng và thay đổi phương thức vận chuyển hàng hoá giữa các quốc gia, nhiều doanh nghiệp gặp khó khăn về tài chính do thị trường tiêu thụ giảm mạnh, sản xuất đình trệ ảnh hưởng đến quyết định đầu tư mở rộng sản xuất. Ngoài ra, chính sách hạn chế đi lại cũng khiến cho các hoạt động xúc tiến đầu tư và các chuyến công tác tìm hiểu cơ hội đầu tư của các nhà đầu tư nước ngoài tiềm năng bị hủy bỏ hoặc trì hoãn, việc đưa ra các quyết định đầu tư bị ảnh hưởng nghiêm trọng, qua đó làm một lượng vốn đang bị kẹt ở nước ngoài chưa vào được Việt Nam.

5.2. Rủi ro về luật pháp:

- Rủi ro về luật pháp là những thay đổi trong hệ thống các văn bản pháp luật trực tiếp hoặc gián tiếp điều chỉnh đến hoạt động của Công ty, những thay đổi trong quy định pháp luật làm ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Ngoài ra, sự thay đổi chính sách của Nhà nước như: thu phí hạ tầng cảng biển, qui định về xe kinh doanh vận tải phải lắp camera giám sát, thay đổi chính sách về BHXH, tăng giá thuê đất, làm sụt giảm lợi nhuận khai thác kho bãi; Bên cạnh đó, ngành vận tải biển còn chịu ảnh hưởng từ những chính sách của Nhà nước cũng như định hướng phát triển của ngành hàng hải.

- Để hạn chế rủi ro về luật pháp, Công ty luôn chủ động, thường xuyên cập nhật quy định pháp luật, tìm hiểu, nghiên cứu về các thay đổi của pháp luật đồng thời thông tin kịp thời tới toàn thể cán bộ, nhân viên và cổ đông của Công ty.

5.3. Rủi ro đặc thù:

- Rủi ro giá nguyên liệu, sử dụng nhà, đất:

+ Do kinh doanh trong ngành nghề liên quan mật thiết tới ngành vận tải nói chung, nên Công ty cũng chịu ảnh hưởng gián tiếp từ biến động giá nguyên liệu.

+ Công ty có thuê nhiều đất đai, nhà cửa để sử dụng làm kho bãi, trụ sở, trong những năm gần đây giá thuê nhà, đất liên tục tăng cao, nên chi phí của doanh nghiệp bị tăng theo, lợi nhuận cũng bị giảm sút.

- Rủi ro cạnh tranh:

+ Đối với Đại lý tàu: các hãng tàu container lớn và nhỏ đang hoạt động tại Việt Nam đều đã ổn định hoạt động và thị trường, khó có thêm các hãng tàu container mới mở tuyến do hoạt động kinh doanh của tất cả các hãng tàu container đang gặp nhiều khó khăn, cung nhiều hơn cầu nên việc tìm kiếm các hãng tàu mới là khó thực hiện được.

+ Đối với ngành vận tải: các cam kết của Việt Nam khi gia nhập WTO hầu như đã được thực thi đầy đủ từ năm 2014, nên hiện nay các công ty dịch vụ vận tải lớn của nước ngoài có đủ điều kiện để hoạt động tại Việt Nam trong hầu hết các lĩnh vực dịch vụ logistics, vì thế, sự cạnh tranh giữa các công ty cùng lĩnh vực này ngày càng trở nên gay gắt.

5.4. Rủi ro khác:

- Các rủi ro mang tính hệ thống khác như: chiến tranh, thiên tai, dịch họa, môi trường, những biến động chính trị xã hội trên thế giới... là những rủi ro tuy hiếm nhưng có thể xảy ra. Do vậy, nếu có, những rủi ro này ít nhiều sẽ gây thiệt hại về tài sản, con người, thị trường kinh doanh của Công ty; qua đó, ảnh hưởng tiêu cực đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Để hạn chế tối đa các thiệt hại, Công ty đã tham gia mua bảo hiểm cho các tài sản có giá trị lớn.

II. Tình hình hoạt động trong năm 2021:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Kết quả SXKD năm 2021:

Đơn vị tính: Triệu đồng.

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	Thực hiện năm 2020	Thực hiện so với kế hoạch	Thực hiện so với năm 2020
Tổng doanh thu	958.000	1.620.484	1.037.087	169%	156%
Doanh thu kinh doanh	953.000	1.605.521	1.013.146	168%	158%
Lợi nhuận trước thuế	31.000	48.021	42.255	155%	114%

- Tổng doanh thu năm 2021 đạt 1.620 tỷ bằng 156% so với cùng kỳ năm 2020 và vượt mức kế hoạch được giao do doanh thu tăng mạnh ở hầu hết các hoạt động của công ty như hoạt động đại lý vận tải tăng 190%, đại lý liner tăng 266%, hoạt động dịch vụ hàng hải tăng 216%. Tuy nhiên, phần doanh thu tăng chủ yếu do nguyên nhân khách quan. Cụ thể doanh thu hoạt động đại lý vận tải tăng rất mạnh, chiếm tỉ trọng lớn nhất (78%) trong cơ cấu tổng doanh thu, với lý do cước vận tải hàng không đã tăng cao gấp nhiều lần trong thời kỳ dịch Covid-19 bùng phát và cước vận tải đường biển cũng tăng rất cao do tình trạng thiếu vỏ container từ cuối năm trước tới nay.

- Lợi nhuận trước thuế năm 2021 đạt 48 tỷ tăng 114% so với cùng kỳ năm 2020, vượt 55% so với kế hoạch được giao.

- Trước tình hình khó khăn dịch bệnh Covid-19, sự cạnh tranh khốc liệt trên thị trường, ban lãnh đạo cùng toàn thể nhân viên công ty đã nỗ lực duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, thích nghi biến động thị trường, biến động chính sách; tăng cường công tác tiếp thị tìm khách hàng mới, nâng cao chất lượng phục vụ góp phần đưa lợi nhuận công ty đạt vượt mức kế hoạch được giao.

❖ Đánh giá hiệu quả từng hoạt động sản xuất kinh doanh:

1.1. Hoạt động đại lý tàu:

- Doanh thu: 54.679.679.747 đồng – bằng 111 % so với cùng kỳ năm trước.

- Năm 2021 doanh thu đại lý tàu tăng 111% với cùng kỳ năm 2020 nhờ vào sự tăng trưởng đáng kể tại các chi nhánh như Vosa Hải Phòng tăng 136%, Vosa Quy Nhơn tăng 110%, Vitamas tăng 145%, các chi nhánh còn lại đều có doanh thu giảm nhẹ so với cùng kỳ năm trước.

- Tại thị trường Thành Phố Hồ Chí Minh, các chi nhánh Vitamas và Vosa Sài Gòn vẫn giữ mức doanh thu tốt nhưng đồng thời vẫn đang gặp nhiều khó khăn. Do ảnh hưởng quá nặng của dịch Covid 19 tại các tỉnh khu vực phía nam và đặc biệt tại Tp.HCM sản lượng tàu giảm, mặt hàng sắt thép cũng giảm đáng kể. Khu vực Phú Mỹ luôn là điểm nóng của tình trạng kẹt cầu cảng, khiến cho năng suất và tốc độ giải phóng tàu, giải phóng hàng hoá chậm. Các khu vực vùng ven như Đồng Nai, Long An vẫn chưa sôi động trở lại do dịch bệnh vẫn hoành hành, các khu công nghiệp hoạt động cầm chừng.

- Tại thị trường phía bắc, mặc dù gặp sự cạnh tranh gay gắt đặc biệt về giá cả dịch vụ, các chi nhánh vẫn giữ được các khách hàng truyền thống như: dăm gỗ, nông sản, quặng, soda, than..... giúp ổn định doanh thu hoạt động đại lý tàu.

- Tại thị trường miền trung, Vosa Bến Thủy có mức doanh thu đại lý tàu chỉ bằng 94% so với cùng kỳ năm trước. Địa bàn hoạt động chủ yếu của chi nhánh Vosa Bến Thủy là cảng Sơn

Dương- Formosa , lượng tàu phục vụ tại đây chiếm hơn 80% tổng lượng tàu được Chi nhánh phục vụ. Tuy nhiên vì dịch bệnh nên sản lượng thép xuất đi của nhà máy thép Formosa xuất khẩu và tiêu thụ thị trường nội địa cũng giảm sút, điều này ảnh hưởng tới lượng tàu ra vào cảng - ảnh hưởng tới số lượt tàu mà chi nhánh phục vụ dẫn tới ảnh hưởng tới doanh thu và lợi nhuận của chi nhánh về đại lý tàu, đi kèm với các dịch vụ khác như kiểm kiện, air freight...

1.2. Hoạt động đại lý liner:

- Doanh thu : 29.680.466.431 đồng – bằng 266 % so với cùng kỳ năm trước .

Nguyên nhân do từ tháng 03/2021, hãng tàu Sinotrans Container Line đã mở thêm tuyến khai thác vào thành phố Hồ Chí Minh đi các cảng chính của Trung Quốc với tần suất khai thác 01 chuyến/tuần. Đồng thời cuối tháng 03/2021, Công ty đã ký được hợp đồng làm đại lý cho hãng tàu Shanghai Zhonggu Logistics khai thác từ thành phố Hồ Chí Minh đi các cảng chính của Trung Quốc với tần suất khai thác 01-02 chuyến/tuần.

1.3. Hoạt động đại lý vận tải:

- Doanh thu: 1.261.398.513.549 đồng – bằng 190 % so với cùng kỳ năm trước.

- Doanh thu đại lý vận tải lũy kế tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2020 chủ yếu là do cước vận tải hàng không và đường biển tăng vọt do ảnh hưởng của dịch Covid-19.

- Hầu hết các chi nhánh đều có doanh thu lũy kế hoạt động đại lý vận tải tăng cao như Vosa Hải Phòng, Northfreight, Vosa Quảng Ninh, Vosa Sài Gòn, Orimas ...

- Tại khu vực phía bắc, chi nhánh Vosa Hải Phòng có mức doanh thu đại lý vận tải lũy kế năm 2021 rất cao, đạt 250% so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do mua bán cước biển quốc tế.

- Doanh thu đại lý vận tải của Chi nhánh Vosa Quảng Ninh đạt 237% so với cùng kỳ năm trước. Năm 2021, do tình hình tàu container thiếu container và cước tăng cao, nên một số loại hàng phải chuyển hướng đi bằng tàu rời , trong đó hàng gỗ ván đóng kiện xuất Mỹ là mặt hàng mới, nhưng số lượng xuất khẩu nhiều và thường xuyên. Chi nhánh Vosa Quảng Ninh đã thực hiện được chuỗi cung ứng logistics cho hàng hoá từ khâu làm đại lý cho tàu vào cảng, nhận và vận tải từ nhà máy của khách hàng đến kho – lưu khomang lại doanh thu và lợi nhuận cao. Ngoài ra vận chuyển các loại hình hàng hoá khác như nông sản, quặng, hoá chất soda ... vẫn ổn định và đạt hiệu quả cao.

- Tại khu vực miền Trung, chi nhánh Vosa Đà Nẵng đạt doanh thu đại lý vận tải 234% so với cùng kỳ năm 2020. Chi nhánh vẫn duy trì thực hiện thường xuyên và mang lại lợi nhuận tương đối tốt các hoạt động cung cấp dịch vụ vận chuyển đường bộ thuần túy hàng điện tử, lốp xe, phụ tùng các loại cho forwarder chính tại Lào, Thái Lan; dịch vụ vận chuyển, mua bán cước tàu và làm thủ tục Hải quan các mặt hàng quặng, hóa chất, nguyên liệu cho chủ hàng Trung Quốc. Dịch vụ hàng air và dịch vụ chứng từ, hàng hóa, khai hải quan, làm C/O cho các đại lý ủy thác như JAS, Geodis, Việt Nam Shipping, DGS, Sammin,... vẫn duy trì. Một số mặt hàng quá cảnh Lào vẫn chưa thực hiện được do Chính phủ Lào tiếp tục thực hiện các biện pháp phòng chống dịch làm cản trở hoạt động xuất nhập khẩu qua biên giới.

1.4. Hoạt động kho bãi:

- Doanh thu : 136.545.794.362 đồng chỉ bằng 79% so với cùng kỳ năm trước.

- Doanh thu công tác kho bãi giảm mạnh chủ yếu do doanh thu kho bãi tại chi nhánh Vosa Quảng Ninh giảm, chỉ đạt 75% so với cùng kỳ năm 2020 khi khách hàng giảm lượng hàng xuất nhập và lượng hàng qua kho, đồng thời lượng hàng trong kho còn tồn nhiều.

- Tình hình khai thác kho bãi tại chi nhánh Northfreight ổn định do sản lượng hàng khai thác tăng lên. Tuy nhiên lợi nhuận thấp do tiền thuê đất kho bãi năm 2021 tăng cao dẫn đến hoạt động khai thác kho bãi gặp rất nhiều khó khăn.

1.5. Hoạt động kiểm đếm:

- Doanh thu: 27.705.004.713 đồng - bằng 109% so với cùng kỳ năm trước.
- Doanh thu kiểm đếm tăng nhờ vào doanh thu hoạt động này tại chi nhánh Vitamas và Orimas tăng cao.

- Tại Bến Thủy giá kiểm đếm các tàu nội địa giảm mạnh do khách hàng Formosa bắt đầu ép giá các nhà thầu vận tải tuyến nội địa.

- Tại Tp Hồ Chí Minh, từ đầu tháng 10/2021 dịch bệnh đã được kiểm soát nên việc đi lại các tỉnh đã được dễ dàng hơn nên dịch vụ kiểm kiện đã được thực hiện trực tiếp cho các tàu của khách hàng NBP, NYK. Dịch vụ kiểm container của hãng tàu Samudera & Namsung tại Cảng Cát Lái vẫn ổn định.

1.6. Hoạt động tài chính:

Năm 2021, doanh thu từ hoạt động tài chính của Công ty có các điểm lưu ý như sau Công ty không còn được nhận khoản lợi nhuận 15,5 tỷ đồng từ liên doanh Yusen Logistics VN; Thu lãi từ việc thực hiện thoái toàn bộ 200.000CP của Tổng Công ty thép Việt Nam.

1.7 Hoạt động khác:

Để đảm bảo công tác sản xuất kinh doanh trong thời kỳ dịch bệnh bùng phát, công ty đã chỉ trang bị bảo hộ lao động, chỉ xét nghiệm, mua kit test nhanh, tổ chức sản xuất kinh doanh “03 tại chỗ “... Bên cạnh đó, hưởng ứng lời kêu gọi của Chính phủ, Công ty đã đóng góp 2 tỷ đồng vào Quỹ vắc xin phòng chống COVID-19 quốc gia (Công ty chi 1,9 tỷ đồng, người lao động ủng hộ 100 triệu). Các khoản chi phí này đã làm ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty.

2. Tổ chức và nhân sự:

- Danh sách Ban Tổng giám đốc:

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Ngày bổ nhiệm/giao nhiệm vụ	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu
1	Vũ Phước Long	29/5/1975	Phó Tổng Giám đốc Phụ trách	Kỹ sư Vô tàu thủy, Kỹ sư QTDN	19/07/2021	0	0
2	Nguyễn Đình Tú	02/9/1982	Phó Tổng Giám đốc	Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Luật, Cử nhân ngoại ngữ (Anh)	19/07/2021	0	0
3	Nguyễn Thị Thanh Trang	08/02/1969	Phó Tổng Giám đốc	Kỹ sư KTVTB, Cử nhân Luật	08/11/2017	1.452	0,01

- Thay đổi trong Ban Tổng Giám đốc trong năm 2021: Ông Trịnh Vũ Khoa thôi giữ chức vụ Tổng Giám đốc kể từ ngày 02/07/2021.

- **Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:**

+ Số lao động cán bộ, nhân viên trong năm 2021 của Công ty: 538 người.

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số lượng	Tỷ lệ (%)
I	Phân theo đối tượng lao động	Người	538	100,00
1	Người quản lý	Người	4	0,77
2	Lao động trực tiếp SXKD	Người	401	73,41
3	Lao động chuyên môn, nghiệp vụ	Người	90	17,14
4	Lao động thừa hành, phục vụ	Người	43	9,82
II	Phân theo trình độ lao động	Người	538	100,00
1	Đại học và sau đại học	Người	368	67,24
2	Cao đẳng và Trung cấp	Người	51	9,47
3	Khác	Người	119	22,11

+ Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

Trong năm 2021, bên cạnh các quy chế đã được xây dựng và đang thực hiện như: Quy chế dân chủ, quy chế tuyển dụng và đào tạo, quy chế phân phối quỹ khen thưởng - phúc lợi, nêu bật chế độ đãi ngộ về tiền lương, tiền thưởng và phúc lợi xã hội cho CBCNV nhằm khuyến khích toàn thể người lao động Công ty không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, phát huy sáng kiến cải tiến quy trình làm việc, thi đua tiết kiệm chi phí sản xuất và nâng cao năng suất, chất lượng lao động. Công ty tiếp tục nghiên cứu sửa đổi, bổ sung và xây dựng mới các quy chế để kiện toàn công tác quản lý và điều hành của công ty.

Tiếp tục kiện toàn tổ chức theo hướng tập trung nâng cao vai trò quản trị và điều hành của Công ty với các chi nhánh. Gắn kết các chi nhánh thành công ty mạnh, làm cơ sở vững chắc cho việc tổ chức theo mô hình công ty mẹ - công ty con cho những năm sau.

Tiếp tục tuyển dụng thêm những nhân viên mới có trình độ chuyên môn, bổ nhiệm những người có năng lực xứng đáng đảm nhận các vị trí chủ chốt theo hướng trẻ hóa cán bộ, có chế độ đãi ngộ tương xứng, nâng cao trình độ ngoại ngữ và chuyên môn cho đội ngũ CBCNV để doanh nghiệp đủ sức cạnh tranh, năng động và kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

a) Các khoản đầu tư lớn:

Năm 2021 Công ty được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt kế hoạch đầu tư 9 dự án xây dựng cơ bản và 2 dự án mua sắm thiết bị với tổng mức đầu tư 18.803.000.000 đồng. Tuy nhiên, vì nhiều lý do khách quan nên chỉ có 1 dự án được thực hiện chiếm tỷ trọng 1,6% so với kế hoạch. Cụ thể như sau:

TT	Hạng mục	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Tỷ lệ thực hiện so với kế hoạch	Lý do chưa thực hiện theo kế hoạch năm 2021
I	Dự án ĐTXDCB			
	VOSA QUẢNG NINH	9.416		
1.1	Sửa chữa, thay mới hệ thống điện chiếu sáng, bảo vệ khu kho bãi và khu văn phòng	1.200	0%	Do lượng hàng tồn kho nên chưa thể triển khai thực hiện. Trong năm 2022 sẽ triển khai từng phần nhằm tránh ảnh hưởng tới việc khai thác hàng hóa kho IA và khu vực lân cận.
1.2	Sửa chữa vừa và nhỏ hệ thống thiết bị, mái tôn, hệ thống thông gió kho 1A.	1.500	0%	Do lượng hàng tồn kho nên chưa thể triển khai thực hiện. Trong năm 2022 sẽ triển khai từng phần nhằm tránh ảnh hưởng tới việc khai thác hàng hóa kho IA và khu vực lân cận.
1.3	Xây dựng tuyến hàng rào bảo vệ tiếp giáp tuyến đường gom khu CN Cái Lân, cổng số 2 khu kho bãi, cầu cân ĐT 80T và nhà bảo vệ	2.700	0%	Ban QL Khu Kinh tế QN và Trung tâm phát triển quỹ đất đã tiến hành đo đạc, kiểm đếm lập khối lượng và giá trị GPMB phạm vi thu hồi đất (Vào khu đất của VOSA QN). Sau khi có thông báo về giá trị đền bù được phê duyệt và QĐ thu hồi đất VOSA QN mới được tiến hành phá dỡ, xây dựng tuyến hàng rào. Do nhu cầu khai thác đã mở đường vào cổng số 2 khu kho bãi cái lân.
1.4	Thay thế băng tải B1200, gầu tải và hệ thống điện điều khiển nhà kho 1A.	2.212	0%	Do tần suất sử dụng kho lớn, bộ phận kỹ thuật đã theo dõi và bảo dưỡng thường xuyên để duy trì hoạt động tạm thời. Công trình đã hoàn thành bước thiết kế, đang trình phê duyệt và chuẩn lựa chọn nhà thầu. Dự kiến bắt đầu khởi công trong quý 2/2022.
1.5	Sửa chữa mặt sân bê tông khu kho bãi Cái Lân	554	0%	Kế hoạch thực hiện trong quý 4/2021, tuy nhiên do tình hình dịch bệnh phức tạp, hạn chế người ra vào kho bãi nên chưa thực hiện được. Công trình chuyển sang kế hoạch 2022
1.6	Sửa chữa mái sảnh, cấp thoát nước nhà văn phòng, mái sảnh hội trường và biển hiệu VOSA QN	250	0%	Theo chỉ đạo của Ban điều hành, văn phòng Vosa Quảng Ninh dự kiến chuyển sang khu nhà Hải Quan cũ nên hoãn kế hoạch sửa chữa này.
	NORTHFREIGHT			
1.7	Dự án xây dựng tường rào ngăn bãi	300	0%	Chi nhánh chưa có khách hàng phù hợp để tách kho bãi nên chưa thực hiện công trình này.
1.8	Dự án sửa chữa, sơn lại toà nhà văn phòng và nhà kho số 1	300	100%	Đã hoàn thành

TT	Hạng mục	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Tỷ lệ thực hiện so với kế hoạch	Lý do chưa thực hiện theo kế hoạch năm 2021
	SAMTRA			
1.9	Dự án sửa nhà văn phòng Samtra	400	0%	Nhà văn phòng Samtra đã được cho thuê theo hiện trạng nên kế hoạch không thực hiện
	Dự án mua sắm thiết bị			
II	Dự án mua sắm thiết bị			
2.1	Xe chở khách hiệu Hyundai County 29 chỗ ngồi - thân dài do Hyundai Thành Công lắp ráp	1.387	0%	Do tình hình dịch bệnh phức tạp nên kế hoạch mua xe phục vụ cho mảng du lịch tại Quảng Ninh không còn phù hợp. Dự án không thực hiện.
2.2	Dự án mua xe vận tải (xe sơ mi)	8.000	0%	Do tình hình dịch bệnh phức tạp nên chuyển kế hoạch sang năm 2022

b) Các công ty con, công ty liên kết:

- Công ty TNHH Yusen Logistics và Vận tải (Việt Nam):

Liên doanh được thành lập từ ngày 01/04/2014, VOSA đã góp đủ 51% vốn liên doanh (51.000 USD). Công ty có năm tài chính kết thúc ngày 31/03 hàng năm. Theo Hợp đồng liên doanh, VOSA nhượng quyền điều hành sản xuất kinh doanh cho đối tác và nhận số tiền cố định 40.000 USD

Tháng 1/2021, VOSA đã nhận tiền lãi liên doanh với số tiền 628.892.037 đồng.

Tháng 3/2021, VOSA đã nhận 40.000 USD tiền nhượng quyền điều hành.

- Công ty TNHH NYK Auto Logistics (Việt Nam):

Liên doanh được thành lập từ ngày 02/12/2016, VOSA đã góp đủ 20% vốn liên doanh (320.000 USD). Công ty có năm tài chính kết thúc ngày 31/03 hàng năm.

Trong năm 2021, liên doanh hoạt động khởi sắc với doanh thu đạt 21 tỷ đồng, tăng 75% so với cùng kỳ.

Dự kiến liên doanh năm tài chính 2021 sẽ có lợi nhuận sau nhiều năm lỗ.

4. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2020	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	784.379.990.224	620.415.843.768	26%
Doanh thu thuần	1.605.521.411.662	1.013.146.404.608	58%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	49.711.326.988	41.986.719.585	18%
Lợi nhuận khác	(1.690.349.923)	267.367.276	(632%)
Lợi nhuận trước thuế	48.020.977.065	42.254.086.861	14%
Lợi nhuận sau thuế	38.467.159.938	36.956.167.659	4%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	55%	57%	

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2020	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TS ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1,484	1,809	
+ Hệ số thanh toán nhanh: TS ngắn hạn - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	1,484	1,809	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,534	0,392	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,123	0,645	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân			
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	2,047	1,633	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,024	0,036	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,104	0,098	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,049	0,060	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh /Doanh thu thuần	0,031	0,041	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu (tính đến ngày 31/12/2021):

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần: 14.096.486 cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/cp).
- + Số cổ phần tự do chuyển nhượng: 14.096.486 cổ phần.
- + Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần.

b) Cơ cấu cổ đông:

TT	Cơ cấu cổ đông	Cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông tổ chức (07 cổ đông)	7.775.041	55,16
2	Cổ đông cá nhân (708 cổ đông)	6.320.645	44,84
	Cộng 1 + 2	14.096.486	100,00
3	Cổ đông lớn (04 cổ đông)	10.723.356	76,07
4	Cổ đông nhỏ (711 cổ đông)	3.373.130	23,93
	Cộng 3 + 4	14.096.486	100,00
5	Cổ đông trong nước (702 cổ đông)	13.506.783	95,82
6	Cổ đông nước ngoài (13 cổ đông)	589.703	4,18
	Cộng 5 + 6	14.096.486	100,00

TT	Cơ cấu cổ đông	Cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)
7	Cổ đông Nhà nước	7.196.838	51,05
8	Cổ đông khác	6.899.648	48,95
	Cộng 7 + 8	14.096.486	100,00
	715 cổ đông tổ chức và cá nhân	14.096.486	100,00

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 49 %

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.

e) Các chứng khoán khác: Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty:

6.1. Tác động lên môi trường:

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp.

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: không có.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Công ty hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ logistics, nên sử dụng rất ít nguyên, nhiên vật liệu, chủ yếu sử dụng cho đội xe vận tải; năng lượng điện, nước chủ yếu chỉ sử dụng cho các kho bãi và các văn phòng làm việc.

6.3. Tiêu thụ năng lượng

Công ty sử dụng các loại năng lượng trực tiếp như điện, xăng dầu cho hoạt động Văn phòng và đội xe vận tải với định mức và chi phí sử dụng hợp lý, phù hợp với giá vốn, chi phí bán hàng và chi phí quản lý của Công ty. Toàn thể CBNV Công ty luôn đảm bảo việc sử dụng tiết kiệm, hợp lý, hạn chế lãng phí nguyên liệu.

6.4. Tiêu thụ nước: (mức nước tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

Việc tiêu thụ nước chỉ để phục vụ cho công tác hoạt động, sinh hoạt tại Văn phòng và cung ứng lại cho các khách hàng của Công ty, vì vậy lượng tiêu thụ nước của Công ty là không đáng kể.

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

- Công ty luôn tuân thủ thực hiện các quy định pháp luật liên quan đến vấn đề môi trường, nhất là các quy định về môi trường liên quan đến hoạt động kinh doanh kho bãi, đội xe vận tải ...

- Hàng năm, Công ty đều có các quy định, yêu cầu các chi nhánh và toàn thể CBNV thực hành tiết kiệm, trong đó có tiết kiệm điện, nước và bảo vệ môi trường nơi làm việc.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

- Tổng số lao động bình quân trong năm của Công ty: 538 người.

- Tiền lương bình quân năm 2021: 14.640.335 đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- Công ty đã thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với người lao động theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cũng như Thỏa ước lao động

tập thể. Công tác chăm lo đời sống vật chất tinh thần cho người lao động tại Công ty được quan tâm thích đáng; Phong trào thi đua lao động giỏi, vận động người lao động có các cải tiến, sáng kiến nhằm nâng cao năng suất lao động và hiệu quả kinh doanh được người lao động hưởng ứng tích cực.

- Công ty đã thực hiện mua bảo hiểm tai nạn 24/24 và đóng BHXH, BHYT, BHTN đầy đủ, đúng hạn cho toàn bộ người lao động.

- Công ty đã thực hiện tổ chức tiêm vắc xin phòng chống COVID-19 đầy đủ cho CBCNV.

c) Hoạt động đào tạo người lao động:

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: Trong năm 2021, Công ty đã tổ chức cho CBCNV tham gia nhiều lớp đào tạo trực tuyến (E-learning) và thường xuyên cử cán bộ tham gia tập huấn tại các lớp học về chuyên môn nghiệp vụ như: quản trị công ty, lao động, BHXH, kế toán, logistics,... để cập nhật các kiến thức, thông tin mới về Luật thuế, BHXH, Luật Lao động ... và ngoại ngữ do các đơn vị trong và ngoài nước tổ chức.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

- Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng.

+ Chi ủng hộ Quỹ vắc xin phòng chống COVID quốc gia, chi ủng hộ mua thiết bị phòng chống dịch tại Bệnh viện lưu dung TP. Thủ Đức, chi ủng hộ lực lượng phòng chống dịch tại Hà Tĩnh.

+ Công ty thực hiện phụng dưỡng các mẹ Việt Nam Anh hùng tại TP. HCM, Bến Tre, Quảng Nam, Hưng Yên v.v.

+ Chi tiền hỗ trợ bệnh nhân nghèo của BV Ung Bướu do Hiệp hội VLA tổ chức.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Đánh giá những thuận lợi và khó khăn của nền kinh tế thế giới nói chung và của nền kinh tế Việt Nam nói riêng, Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc đã trình lên Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 kế hoạch SXKD cho năm 2021 và đã được nhất trí thông qua, như sau:

+ Tổng doanh thu: 958.000.000.000 đồng.

+ Lợi nhuận trước thuế: 31.000.000.000 đồng.

- Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021 đã được kiểm toán:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	Thực hiện năm 2020	Thực hiện so với kế hoạch	Thực hiện so với năm 2020
Tổng doanh thu	958.000	1.620.484	1.037.087	169%	156%
Doanh thu kinh doanh	953.000	1.605.521	1.013.146	168%	158%
Lợi nhuận trước thuế	31.000	48.021	42.255	155%	114%

* Kết quả sản xuất kinh doanh của toàn Công ty đạt kế hoạch được giao do các nguyên nhân khách quan và chủ quan sau:

- Dịch bệnh Covid-19 làm ảnh hưởng đến toàn bộ các chi nhánh và tất cả các loại hình kinh doanh của Công ty nhưng nặng nề nhất là đối với dịch vụ kho ngoại quan – tạm nhập tái xuất và dịch vụ hàng hải, du lịch.

- Chi phí thuê đất của toàn Công ty ước tăng 2,3 tỷ đồng so với năm 2020 do giá thuê đất kho bãi tại các khu vực tăng cao.

- Doanh thu tăng so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do doanh thu đại lý vận tải và kho bãi tăng mạnh, tuy nhiên doanh thu đại lý vận tải tăng do cước vận tải hàng không tăng mạnh trong thời kỳ ảnh hưởng dịch Covid-19 nên doanh thu tăng cao nhưng lợi nhuận từ dịch vụ này không tăng hoặc giảm sút do cạnh tranh khó khăn hơn; doanh thu kho bãi tăng do số lượng kho thuê bên ngoài tăng thêm để phục vụ cho khách hàng nhưng không mang lại lợi nhuận hoặc rất hạn chế từ dịch vụ thuê kho mà chủ yếu để cung cấp các dịch vụ đại lý vận tải liên quan nên doanh thu tăng cao nhưng lợi nhuận từ dịch vụ này tương đương cùng kỳ năm trước.

- Lợi nhuận Công ty đạt kế hoạch được giao. Trước tình hình khó khăn dịch bệnh Covid-19, sự cạnh tranh khốc liệt trên thị trường, ban lãnh đạo cùng toàn thể CBCNV Công ty đã nỗ lực tăng cường công tác tiếp thị tìm khách hàng mới, nâng cao chất lượng phục vụ góp phần đưa lợi nhuận công ty đạt kế hoạch được giao.

- Trước tình hình kinh tế khó khăn, Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc công ty đã kịp thời đưa ra những quyết sách trong định hướng kinh doanh của công ty như:

+ Giải pháp khách hàng: Tăng cường cung cấp thông tin cho khách hàng, bám sát khách hàng trong mỗi dịch vụ, mỗi dự án của khách hàng;

+ Giải pháp nhân sự: Kiện toàn bộ máy nhân sự từ cấp Công ty đến các chi nhánh để tăng cường công tác quản trị và sản xuất kinh doanh.

+ Giải pháp công nghệ thông tin: Áp dụng tối đa các ứng dụng công nghệ thông tin trong sản xuất kinh doanh; Tăng cường các hình thức làm việc trực tuyến (online) để đảm bảo an toàn và giảm thiểu chi phí.

+ Giải pháp tài chính: Tập trung hỗ trợ các chi nhánh cần vốn lưu động để kinh doanh để tối ưu hóa nguồn tài chính của Công ty; Đưa ra các quy định chặt chẽ đối với các chi phí trực tiếp, gián tiếp để tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh.

+ Chỉ đầu tư vào những dự án mang lại hiệu quả nhanh, chưa đầu tư vào những dự án dài hạn, chưa cần thiết.

- Những chính sách trên đã đưa đến những hiệu quả nhất định cho công ty, chi phí quản lý doanh nghiệp giảm xuống dù các chi phí quản lý đầu vào tăng lên.

2. Tình hình tài chính:

a. Tình hình tài sản:

- Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản, nợ phải thu xấu, tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh).

a.1. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:

Tài sản cố định Hữu hình	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	97.692.012.106	49.667.122.763	6.189.625.565	153.548.760.434
- Mua trong năm				
- Chuyển sang Bất động sản đầu tư				
- Thanh lý, nhượng bán			(440.606.091)	(440.606.091)
				-
Số dư cuối năm	97.692.012.106	49.226.516.672	6.189.625.565	153.108.154.343
Giá trị hao mòn lũy kế				

Báo cáo thường niên năm 2021

Số dư đầu năm	58.512.480.528	35.841.834.268	4.987.777.485	99.342.092.281
- Khấu hao trong năm	3.438.699.716	3.689.623.030	123.789.328	7.252.112.074
- Thanh lý, nhượng bán	-	(440.606.091)		(440.606.091))
- Phân loại lại	(179.566.837)	137.196.003	42.370.834	-
Số dư cuối năm	61.771.613.407	39.228.047.210	5.153.937.647	106.153.598.264
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	39.179.531.578	13.825.288.495	1.201.848.080	54.206.668.153
Tại ngày cuối năm	35.920.398.699	9.998.469.462	1.035.687.918	46.954.556.079

a.2. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	18.659.091.724	2.108.079.300	20.767.171.024
- Mua trong năm	-		
Số dư cuối năm	18.659.091.724	2.190.029.300	20.849.121.024
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	1.560.905.770	2.069.203.463	3.630.109.233
- Khấu hao trong năm	191.467.747	31.089.996	222.557.743
Số dư cuối năm	1.752.373.517	2.100.293.459	3.852.666.976
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	17.098.185.954	120.825.837	17.219.011.791
Tại ngày cuối năm	16.906.718.207	89.735.841	16.996.454.048

a.3. Tăng, giảm bất động sản đầu tư: các công trình nhà kho và bãi cho thuê phát sinh tại Công ty mẹ.

Bất động sản đầu tư	Nhà cửa, vật kiến trúc	Cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	74.746.984.356	74.746.984.356
- Tăng do chuyển từ TSCĐ Hữu hình		
Số dư cuối năm	74.746.984.356	74.746.984.356
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	45.166.674.002	45.166.674.002
- Khấu hao trong năm	3.986.570.298	3.986.570.298
Số dư cuối năm	49.153.244.300	49.153.244.300
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	29.580.310.354	29.580.310.354
Tại ngày cuối năm	25.593.740.056	25.593.740.056

a.4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

Xây dựng cơ bản dở dang	Số đầu năm	Số cuối năm
Dự án nhà văn phòng Vitamas	92.022.727	0
Chi phí sửa chữa văn phòng Vosa Quy Nhơn	108.500.000	0
Cộng	108.500.000	0

- Phân tích hiệu quả sử dụng tài sản:

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2020
Doanh thu / Tổng tài sản BQ	2,29	1,73
Doanh thu / Tài sản dài hạn BQ	9,09	5,32
Doanh thu / Nguyên giá TSCĐ BQ	6,45	5,81
LNST / Tổng tài sản BQ	0,05	0,06
LNST / Tài sản dài hạn BQ	0,22	0,19
LNST / Nguyên giá TSCĐ BQ	0,15	0,21

- Ảnh hưởng của nợ phải thu xấu đối với kết quả sản xuất kinh doanh:

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2020
Số dư đầu năm dự phòng phải thu	264.530.990	387.870.419
Trích lập dự phòng bổ sung		16.991.296
Hoàn nhập dự phòng	(42.522.901)	(140.330.725)
Số cuối năm dự phòng phải thu	222.008.089	264.530.990
Tỷ lệ chi phí dự phòng / Lợi nhuận trước thuế	0,46%	0,62%
Tỷ lệ nợ khó đòi / Phải thu khách hàng	0,10%	0,16%

b. Tình hình nợ phải trả:

- Tình hình nợ hiện tại: Công ty không có nợ phải trả quá hạn.

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2020
Nợ phải trả, trong đó:	414,855,500,101	243.210.238.818
Nợ ngắn hạn	413,468,174,017	241.860.912.734
Nợ dài hạn	1,387,326,084	1.349.326.084
Vốn chủ sở hữu	369,524,490,123	377.205.604.950
Hệ số khả năng thanh toán hiện thời (Tài sản ngắn hạn / Nợ ngắn hạn)	1,485	1,809
Hệ số khả năng thanh toán nhanh {(Tài sản ngắn hạn- Hàng tồn kho) / Nợ ngắn hạn}	1,485	1,809
Hệ số Nợ phải trả / Vốn chủ sở hữu	1,123	0,645
Hệ số Nợ vay / Vốn chủ sở hữu	0	0

- Ảnh hưởng chi phí lãi vay đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty:

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2020
Chi phí lãi vay	0	17.011.825
Tỷ lệ chi phí lãi vay / Lợi nhuận trước thuế	0	0,001

- Ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty:

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2020
Chênh lệch tỷ giá làm tăng lợi nhuận (A)	5.322.855.271	2.617.713.477
Lãi chênh lệch tỷ giá	5.322.855.271	2.617.713.477
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại		
Chênh lệch tỷ giá làm giảm lợi nhuận (B)	2.889.603.398	1.412.178.582
Lỗ chênh lệch tỷ giá	2.327.440.125	1.369.270.282

Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	562.163.273	42.908.300
(A) – (B)	2.433.251.873	1.205.534.895
Tỷ lệ CLTG / Lợi nhuận trước thuế	5,07%	2,85%

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Trong năm qua, Công ty tiếp tục kiện toàn cơ cấu bộ máy tổ chức và quản lý của Công ty theo xu hướng trẻ hóa cán bộ để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của công việc. Hoàn thành việc tái cấu trúc Văn phòng Công ty và một số chi nhánh trong năm theo chỉ đạo của Hội đồng quản trị.

+ Ngày 25/08/2021, Hội đồng quản trị ban hành Quyết định số 201/QĐ-VOSA/HĐQT v/v thành lập Tiểu Ban Nhân sự và Chiến lược thuộc Hội đồng quản trị Công ty.

+ Ngày 25/08/2021: Hội đồng quản trị ban hành Quyết định số 202/QĐ-VOSA/HĐQT v/v thành lập Tiểu Ban Kiểm toán nội bộ và Thẩm định dự án thuộc Hội đồng quản trị Công ty.

+ Ngày 09/09/2021, Hội đồng quản trị ban hành Quyết định số 218/QĐ-VOSA/HĐQT v/v sắp xếp, tổ chức lại các Ban tham mưu của Công ty. Chi tiết như sau: sáp nhập Ban Kinh tế Đối ngoại, Ban Quản lý Đầu tư và đổi tên thành Phòng Kinh doanh và Đầu tư; đổi tên Ban Tổ chức Tiền lương thành Phòng Tổ chức Tiền lương, Ban Tài chính Kế toán thành Phòng Tài chính Kế toán; thành lập mới Phòng Tổng hợp và Pháp chế.

- Ngay từ đầu năm, Công ty đã xây dựng các kế hoạch tài chính, đầu tư và triệt để tiết kiệm chi phí quản lý Công ty, phổ biến tới các chi nhánh và người lao động của Công ty.

- Những tiến bộ Công ty đã đạt được về công tác quản trị Công ty:

+ Từng bước tái cơ cấu bộ máy quản trị và điều hành, chú trọng vào công tác nhân sự và quản lý tài chính để đạt hiệu quả cao trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

+ Công ty xác định rõ trong tình hình vốn hoạt động còn hạn chế thì nguồn nhân lực là yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển của Công ty nên Công ty tập trung phát triển nguồn nhân lực của mình, đào tạo nên đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, có kỹ năng, chuyên môn tốt và có nhiệt huyết với Công ty, xây dựng đội ngũ quản trị có hướng tới quy hoạch và kế thừa cho sự phát triển dài hạn.

+ Sửa đổi Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty theo các quy định hiện hành của pháp luật.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

4.1. Công ty xây dựng Chiến lược phát triển trung và dài hạn như sau:

* Mục tiêu hoạt động:

- Phát triển bền vững dựa trên nền tảng kinh doanh cốt lõi là dịch vụ Đại lý tàu biển truyền thống, Đại lý vận tải và Logistics, Thương mại xuất nhập khẩu.

- Tập trung phát triển dịch vụ logistics: tiếp tục đầu tư hệ thống kho bãi, phương tiện; liên kết với các khách hàng lớn, tiềm năng để đầu tư và phát triển kho bãi, phương tiện vận tải.

- Xây dựng kế hoạch phát triển vận tải đa phương thức.

- Mở rộng mạng lưới hoạt động ra thị trường thế giới.

- Tối đa hóa lợi nhuận cho Công ty và các cổ đông trên cơ sở đẩy mạnh sản xuất kinh doanh, ứng dụng công nghệ mới.

- Quản trị và phát triển tốt nguồn nhân lực, đảm bảo quyền lợi chính đáng và tạo môi trường làm việc tốt nhất cho người lao động.

* Thị trường và khách hàng mục tiêu:

- Tiếp tục giữ vững các khách hàng truyền thống tại các khu vực Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc và các khu vực khác;
- Tập trung phát triển thị trường trong nước đối với các khách hàng là chủ hàng, nhà máy sản xuất tại Việt Nam;
- Ngoài những khách hàng trên, công ty sẽ tập trung tiếp cận những công ty logistics nước ngoài và những công ty đại lý toàn cầu để mở rộng quan hệ và dịch vụ.

4.2. Kế hoạch SXKD và phân phối lợi nhuận năm 2022:

Đơn vị tính: VNĐ

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2021	KH 2022	Tỷ lệ (%)
1	Vốn Điều lệ	140.964.860.000	281.929.720.000	200%
2	Tổng doanh thu	1.620.192.498.862	1,200,000,000	74%
4	Tổng Lợi nhuận trước thuế	48.020.977.065	48.000.000.000	100%
5	Lợi nhuận sau thuế	38.467.159.938	38.400.000.000	100%
6	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	2.729	1.218	
7	Cổ tức (%)	25%	8%	

4.3. Kế hoạch đầu tư năm 2022:

4.3.1. Các dự án xây dựng thực hiện các năm trước chuyển sang năm 2021: Không có.

4.3.2. Các dự án đầu tư, xây dựng mới năm 2022:

a) Kế hoạch đầu tư phát triển:

Đơn vị tính: triệu VNĐ

TT	Tên dự án	Hạng mục /Quy mô	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn	Thời gian thực hiện	Ghi chú
	Kế hoạch đầu tư		21.900			
	Đầu tư XD CB		6.500			
	Mua sắm trang thiết bị		15.400			
A	Dự án đầu tư XD CB và mua sắm thiết bị chuyển tiếp năm 2021					
1	Dự án đầu tư XD CB					
2	Dự án mua sắm thiết bị					
2.1	Dự án mua xe vận tải (xe sơ mi) - Northfreight	5 chiếc	8.000	Vốn tự có	Quý 2/2022	Northfreight đã lập báo cáo và tờ trình tháng 12 năm 2021 đang điều chỉnh theo ý kiến của HĐQT

B	Dự án mới năm 2022					
1	Dự án đầu tư XD CB					
1.1	Xây dựng nhà kho 1B DT 6.400m ² và tuyến đường giao thông theo QH đã được phê duyệt	6.400m ²	3.000	Vốn tự có, vốn vay thương mại	2022-2024	Tổng mức đầu tư dự kiến 53,5 tỷ đồng, phân kỳ trong năm 2022 là 3 tỷ đồng dùng trong công tác tư vấn chuẩn bị đầu tư.
1.2	Cảng Tổng hợp Vosa Quy Nhơn	Cảng tổng hợp 15.000 DWT, kho bãi, thiết bị đồng bộ trên diện tích 40.000m ²	3.500	Vốn tự có, vốn vay thương mại	2022-2025	Tổng mức đầu tư dự kiến 774 tỷ đồng, phân kỳ trong năm 2022 là 3,5 tỷ đồng dùng trong công tác tư vấn khảo sát, lập dự án và xin phép XD
2	Dự án mua sắm thiết bị					
2.1	Dự án mua xe vận tải: 03 xe sơ mi rơ móc loại 40' và 03 xe tải nhỏ - Northfreight	6 chiếc	7.400	Vốn tự có	2022	Northfreight

b) Kế hoạch sửa chữa, cải tạo:

Đơn vị tính: triệu VNĐ

TT	Tên dự án	Hạng mục/Quy mô	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn	Thời gian thực hiện	Ghi chú
	Kế hoạch đầu tư sửa chữa, cải tạo		11.990			
A	Dự án đầu tư XD CB và mua sắm thiết bị chuyển tiếp năm 2021					
1	Dự án đầu tư XD CB					
1.1	Thay thế băng tải B1200, gầu tải và hệ thống điện điều khiển nhà kho 1A.	Sửa chữa thay thế hư hỏng trong quá trình vận hành khai thác	2.422,4	Vốn tự có	2021 - 2022	Vosa Quảng Ninh
B	Dự án mới năm 2022					
1	Dự án đầu tư XD CB					

1.1	Cải tạo sửa chữa khu văn phòng Cái Lân - Giai đoạn 1 - Thành khu văn phòng làm việc của đơn vị. Khu văn phòng hiện có chuyển đổi thành khu nhà cho thuê. (khu nhà làm việc của Hải Quan Cái Lân trước đây)	Sửa chữa cải tạo do đã xuống cấp hư hỏng theo thời gian	980	Vốn tự có	2022 và thời gian tiếp theo	Vosa Quảng Ninh
1.2	Sửa chữa, thay mới hệ thống dây cáp, đèn chiếu sáng bảo vệ khu kho bãi và khu văn phòng.	Sửa chữa thay thế	930	Vốn tự có	2022	Vosa Quảng Ninh
1.3	Sửa chữa cải tạo hệ thống thông gió Nhà gầu tải kho chứa hàng nông sản 1A.	Cải tạo	670	Vốn tự có	2022	Vosa Quảng Ninh
1.4	Sửa chữa mặt sân bê tông khu kho bãi Cái Lân	Sửa chữa hư hỏng trong quá trình khai thác	641,3	Vốn tự có	2022	Vosa Quảng Ninh
1.5	Cải tạo hệ thống thoát nước khu Kho bãi và khu Văn phòng Cái Lân	Sửa chữa cải tạo	200	Vốn tự có	2022	Vosa Quảng Ninh
1.6	Cải tạo tuyến đường vào khu Văn phòng Cái Lân	Sửa chữa cải tạo	210	Vốn tự có	2022	Vosa Quảng Ninh
1.7	Xin chủ trương, khảo sát lập bản đồ hiện trạng khu đất có diện tích 1483,3m ² tại chân cầu Bãi Cháy. Đề xuất phương án kinh doanh liên kết, mời gọi các đối tác đầu tư có năng lực.	1.483 m ²	120	Vốn tự có	2022	Vosa Quảng Ninh
1.8	Thay Thế mái tôn nhà kho CFS và kho ngoại quan	Thay mới 2.100 m ²	651	Vốn tự có	2022	Vosa Quảng Ninh
1.9	Xây mới nhà vệ sinh phục vụ lực lượng khai thác khu kho bãi	Xây dựng mới	350	Vốn tự có	2022	Vosa Quảng Ninh
1.10	Giai đoạn nghiên cứu đầu tư xây dựng Khu nhà đa năng kinh doanh khách sạn (quy mô nhỏ) văn phòng du lịch lữ hành... tại thành phố Móng Cái	Nghiên cứu đầu tư	120	Vốn tự có	2022	Vosa Quảng Ninh
1.11	Hợp thức hóa khu đất tại đảo Vạn Gia, nghiên cứu lập văn phòng cho các hoạt động cảng biển, thương vụ XNK		100	Vốn tự có	2022-2023	Vosa Quảng Ninh
1.12	Dự án xây dựng hệ thống chữa cháy tự động cho 2 kho CFS - Northfreight	Xây dựng hệ thống PCCC cho 2 nhà kho CFS tổng diện tích 2.834 m ²	3.000	Vốn tự có	2022	Northfreight

1.13	Dự án thiết kế, cải tạo và sửa chữa nhà làm việc (1 gian mặt đường số 54 Lê Lợi, HP) - Orimas	Cải tạo và sửa chữa nhà làm việc. Mua bổ sung trang thiết bị, đồ dùng làm việc cho 02 VP	650	Vốn tự có	2022	Orimas
1.14	Cải tạo nâng cấp, chỉnh trang hàng rào và công kho bãi tại số 222 Đồng Đa, Quy Nhơn, Bình Định	Tháo dỡ và xây dựng mới hàng rào, công, bảng hiệu tại khu kho bãi của VOSA Quy Nhơn	945	Vốn tự có	2022	Vosa Quy Nhơn

- Tổng giá trị đầu tư: 33.890.000.000 đồng.

5. Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty:

- Đã báo cáo đánh giá tại điểm 6, Phần II - Tình hình hoạt động trong năm.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị (HĐQT) về hoạt động của Công ty:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội:

- Trong năm 2021, HĐQT đã đề ra phương hướng hoạt động, định hướng phát triển kinh doanh của Công ty trên cơ sở Nghị quyết ĐHCĐĐ thường niên ngày 27/04/2021. HĐQT luôn chủ động nắm bắt kịp thời các diễn biến của tình hình kinh tế, chính trị & xã hội trong nước và thế giới; Phân tích, đánh giá những khó khăn, thuận lợi cũng như những cơ hội và thách thức để kịp thời đưa ra những quyết sách đúng đắn và hiệu quả trong hoạt động SXKD, thường xuyên giám sát, chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc thực hiện tốt nhiệm vụ thông qua các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.

- Về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, HĐQT luôn tuân thủ các quy định của pháp luật về môi trường và bảo vệ môi trường cũng như tham gia vào các hoạt động bảo vệ môi trường, hoạt động xã hội từ thiện, đền ơn đáp nghĩa, xóa đói giảm nghèo,... đã được công ty triển khai trong năm như: ủng hộ Quỹ vắc xin, ủng hộ đồng bào miền Trung bị thiên tai, lũ lụt, hỗ trợ cho các hộ gia đình gặp khó khăn, chia sẻ trách nhiệm cộng đồng, xã hội. Các đoàn thể đều hoạt động tốt, các phong trào thi đua, văn nghệ, thể thao được người lao động tham gia sôi nổi, nhiệt tình.

- Công ty giữ ổn định hoạt động kinh doanh, việc làm, thu nhập, quyền lợi chính đáng cho người lao động, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế, ngân sách cho nhà nước; Bảo toàn và phát triển vốn của các cổ đông, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu SXKD mà ĐHCĐĐ thường niên năm 2021 đã giao là một nỗ lực đáng ghi nhận của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và toàn thể CBNV trong năm 2021.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc:

- Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát việc chấp hành và tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, các quy định khác của pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty đối với Ban Tổng giám đốc. HĐQT đánh giá cao nỗ lực của Ban Tổng giám đốc trong việc điều hành

hoạt động hàng ngày và công tác quản lý trong năm 2021, đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng các quy định của pháp luật, của Công ty.

- Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 nên HĐQT giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc thông qua báo cáo và tài liệu Ban Tổng Giám đốc gửi HĐQT hay các tài liệu phục vụ cuộc họp của Hội đồng quản trị tại cuộc họp của HĐQT. Những công việc tồn đọng, chậm trễ hoặc các tồn tại, hạn chế, thiếu sót đã được HĐQT nêu ra và chỉ đạo, phân công, yêu cầu giải quyết thông qua các nghị quyết.

- Việc phối hợp hoạt động giữa HĐQT và Ban Tổng giám đốc được thực hiện theo đúng quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế quản trị Công ty. Bên cạnh đó, HĐQT cũng thường xuyên phối hợp với Ban kiểm soát trong việc giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc thông qua hình thức trao đổi, thảo luận tại các cuộc họp định kỳ và đột xuất.

- Hoàn thành, nộp và công bố thông tin đúng thời hạn Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán và Báo cáo thường niên năm 2021;

- Tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 đúng theo quy định của pháp luật vào ngày 27/04/2021 tại Khách sạn Mường Thanh Luxury Sài Gòn, số 261C Nguyễn Văn Trỗi, P. 10, Q. Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh;

- Công bố thông tin định kỳ, bất thường về các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết HĐQT theo đúng quy định.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị năm 2022:

- Năm 2022, dịch bệnh Covid-19 vẫn đang tiếp tục diễn biến hết sức phức tạp và nguy hiểm với nhiều biến chủng mới xuất hiện, do đó dự báo nền kinh tế thế giới nói chung và kinh tế Việt Nam nói riêng sẽ tiếp tục gặp nhiều khó khăn, thách thức gây ảnh hưởng nặng nề đến nền kinh tế toàn cầu, khả năng phục hồi trong tương lai gần là khó có thể thực hiện được.

- Hội đồng quản trị Công ty đã đánh giá những thuận lợi và khó khăn, đồng thời đề ra định hướng chiến lược phát triển và mục tiêu cho năm 2022 như sau:

- + Xây dựng đổi mới phương thức quản trị kinh doanh, mô hình phát triển của Công ty theo định hướng: một hệ thống, hai trung tâm và ba trụ cột.

- + Tiếp tục duy trì và phát triển mạnh mẽ hơn nữa các hoạt động kinh doanh cốt lõi, đặc thù của Công ty bao gồm: Đại lý tàu biển truyền thống, Đại lý vận tải và Logistics, Thương mại xuất nhập khẩu. Tái cấu trúc mô hình kinh doanh của Công ty: Xây dựng mô hình “lấy khách hàng làm trung tâm”; Xây dựng hệ thống quản trị, khai thác nguồn lực 1 hệ thống trên nền tảng dữ liệu tập trung và số hoá; Phát triển chuỗi gia tăng giá trị.

- + Thực hiện chuyển đổi số toàn diện, ứng dụng mạnh mẽ và triệt để các giải pháp công nghệ thông tin phục vụ hoạt động kinh doanh, nâng cao trải nghiệm khách hàng và tăng năng lực cạnh tranh; triển khai các nền tảng giao dịch không tiếp xúc, đảm bảo hoạt động kinh doanh không bị gián đoạn trong mọi tình huống.

- + Sắp xếp, cơ cấu lại bộ máy tổ chức; xây dựng và hoàn thiện các quy trình, quy chế quản trị thống nhất theo hướng tinh gọn, hiện đại và hiệu quả; giảm đầu mối, tăng trách nhiệm người đứng đầu các bộ phận; đẩy mạnh việc huấn luyện, đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, chú trọng đến chế độ đãi ngộ để tạo động lực cho người lao động.

- + Xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao đảm bảo duy trì văn hoá Công ty linh hoạt, liêm chính, hiệu quả; Tìm kiếm, lựa chọn nhân tài thông qua thi tuyển các chức danh lãnh đạo và trao cơ hội thông qua luân chuyển, đào tạo tại chỗ, đảm bảo thực hiện nhiệm vụ giai đoạn 2021 - 2025. Quản trị nguồn nhân lực nhằm nâng cao chất lượng và sử dụng hiệu quả.

- + Rà soát tổng thể các nguồn lực, cơ sở hạ tầng, cơ sở đất đai để xây dựng phương án khai thác tối ưu. Tiếp tục thực hiện tái cơ cấu mạnh mẽ các chi nhánh hoạt động không hiệu quả; đẩy

mạnh hơn nữa công tác kiểm tra, giám sát; kiện toàn bộ máy nhân sự đủ năng lực để kiểm soát hoạt động các chi nhánh.

+ Tăng cường công tác quản lý tài chính và các biện pháp kiểm soát và thu hồi công nợ để đảm bảo an toàn tài chính, giảm thiểu rủi ro và đảm bảo dòng tiền hoạt động.

+ Tiếp tục thực hành tiết kiệm, chống lãng phí để nâng cao hiệu quả sản xuất, sử dụng có kế hoạch và hiệu quả nguồn vốn của Công ty trong hoạt động SXKD.

+ Triển khai chiến lược quản trị rủi ro: Xây dựng hệ thống quản trị rủi ro theo tiêu chí, tiêu chuẩn đến cấp cơ sở (chi nhánh, công ty con); hướng dẫn, phát huy hiệu quả phòng vệ rủi ro từ cấp cơ sở lên đến Công ty; Nghiên cứu Phiếu Kiểm soát rủi ro (từng khâu, từng cấp) để thực hiện trên nền tảng ứng dụng Công nghệ số.

+ Xây dựng các nội dung nhằm khuyến khích, cổ súy, đánh thức tiềm năng đổi mới sáng tạo cùng với trách nhiệm cộng đồng. Thực hiện chương trình an sinh xã hội, trách nhiệm cộng đồng.

V. Quản trị công ty:

1. Hội đồng quản trị:

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu	Hình thức	Số lượng chức danh TV HĐQT tại các Công ty khác	Ghi chú
1	Đỗ Tiến Đức	Chủ tịch HĐQT	0,00	Thành viên điều hành	1	
2	Trịnh Vũ Khoa	Thành viên HĐQT	0,01	Thành viên điều hành	0	Ủy quyền cho Ông Vũ Phước Long tham dự 03 cuộc họp và biểu quyết
3	Nguyễn Bích Thảo	Thành viên HĐQT	0,02	Thành viên không điều hành	0	
4	Nguyễn Thị Thanh Hà	Thành viên HĐQT	0,00	Thành viên không điều hành	0	Ủy quyền cho Ông Trần Tuấn Hải tham dự 05 cuộc họp và biểu quyết
5	Trần Hồng Quang	Thành viên HĐQT	6,95	Thành viên không điều hành	2	
6	Ngô Thanh Tùng	Thành viên HĐQT	0,00	Thành viên độc lập	1	Ủy quyền cho Ông Nguyễn Đức Thiện tham dự 05 cuộc họp và biểu quyết
7	Nguyễn Thế Tiếp	Thành viên HĐQT	0,00	Thành viên độc lập	0	

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

- Tiểu ban Kiểm toán nội bộ và Thẩm định dự án (thành lập ngày 25/8/2021).

- Tiểu ban Nhân sự và Chiến lược (thành lập ngày 25/8/2021).

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị hoạt động và thực thi nhiệm vụ theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, các Quy chế, quy định của Công ty và các văn bản pháp luật có liên quan.

- Năm 2021, HĐQT đã thực hiện 05 phiên họp thường kỳ, 01 phiên bất thường và 29 lần lấy ý kiến các thành viên HĐQT dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản để chỉ đạo kịp thời công tác SXKD, đầu tư XD CB ... Nội dung chính của các cuộc họp và lấy ý kiến đã được trình bày chi tiết tại Báo cáo quản trị Công ty năm 2021.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành: tham gia đầy đủ các cuộc họp. Thực hiện nhiệm vụ, quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, các Quy chế, Quy định của Công ty.

* Hoạt động của các Tiểu ban trong Hội đồng quản trị:

- Tiểu ban Kiểm toán nội bộ và Thẩm định dự án:

+ Xây dựng Quy chế hoạt động của Tiểu ban kiểm toán nội bộ và thẩm định dự án trình Hội đồng quản trị xem xét, phê duyệt;

+ Thực hiện kiểm toán hoạt động kinh doanh năm 2019, 2020 và 9 tháng 2021 tại VOSA Hải Phòng;

+ Thẩm định các dự án đầu tư theo yêu cầu của HĐQT và Chủ tịch HĐQT;

+ Tham gia xây dựng/đóng góp ý kiến đối với dự thảo các quy chế/quy định phục vụ công tác quản lý nội bộ theo yêu cầu của HĐQT và Chủ tịch HĐQT;

+ Khảo sát thông tin hoạt động của 14 chi nhánh về hoạt động kinh doanh, quy định quản lý nội bộ cho giai đoạn từ 2019-2020 và 9 tháng đầu năm 2021;

+ Tham gia các cuộc họp nội bộ của Công ty: Tham gia các cuộc họp Hội đồng quản trị (Trong năm chưa tham gia cuộc họp của Ban Tổng giám đốc và các cuộc họp tại Chi nhánh theo đề nghị để thực hiện nhiệm vụ theo quy định).

+ Nhiệm vụ khác:

_ Tham gia công tác xác minh phản ánh của cấp có thẩm quyền tại VOSA;

_ Tham gia Ban Chỉ đạo phòng chống tham nhũng tại VOSA.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Đỗ Tiến Đức	Chủ tịch HĐQT	
2	Trịnh Vũ Khoa	Thành viên HĐQT	
3	Nguyễn Bích Thảo	Thành viên HĐQT	
4	Nguyễn Thị Thanh Hà	Thành viên HĐQT	
5	Trần Hồng Quang	Thành viên HĐQT	

- Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Không có.

2. Ban Kiểm soát:

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu (%)	Ghi chú
1	Hoàng Việt	Trưởng BKS	0	
2	Nguyễn Hồng Hải	Thành viên BKS	0	
3	Trần Thị Hạnh	Thành viên BKS	0	

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

TT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Hoàng Việt	Trưởng BKS	04/06/2014	4/4	100%	
2	Nguyễn Hồng Hải	Ủy viên BKS	26/06/2019	3/3	100%	<i>Xin tạm dừng nhiệm vụ KSV đến 26/2/2021</i>
3	Trần Thị Hạnh	Ủy viên BKS	31/05/2018	4/4	100%	

- Xem xét đánh giá hoạt động của Hội đồng Quản trị liên quan đến việc thực hiện kế hoạch tài chính và hoạt động của Công ty theo Nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, giám sát việc tuân thủ quy định của Pháp luật và điều lệ Công ty.

- Rà soát, thẩm định các Báo cáo tài chính định kỳ, Xem xét các báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc.

- Ban Kiểm soát đã tham dự 05 phiên họp thường kỳ và 01 phiên bất thường của HĐQT. Ban Kiểm soát đã thu thập thông tin đánh giá công tác quản lý điều hành theo đúng chức năng nhiệm vụ, đảm bảo tính khách quan, thực hiện đóng góp ý kiến các vấn đề liên quan đến việc quản lý tài chính, điều hành của Công ty.

- Ban Kiểm soát đã thực hiện công tác kiểm soát tại chi nhánh Vosa Quảng Ninh.

- Trong quá trình hoạt động, Ban Kiểm soát đã được HĐQT và Ban Tổng Giám đốc cung cấp, trao đổi thông tin để hiểu rõ hơn những tình hình sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty, những thuận lợi khó khăn trong công tác tổ chức điều hành quản lý công ty phát sinh trong năm.

- Một số công việc khác theo quy định.

* **Thù lao của Ban Kiểm soát:** Cụ thể tại mục 3 phần V Báo cáo thường niên năm 2021 của Công ty.

* **Đánh giá kết quả giám sát tình hình thực hiện kết quả sản xuất kinh doanh, thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên, lập báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty:**

- Ban Kiểm soát đã giám sát công tác tổ chức hoạt động kinh doanh, kết quả hoạt động năm 2021 của Công ty và thống nhất đánh giá như sau:

Năm 2021, dịch bệnh Covid-19 vẫn còn diễn biến phức tạp và nguy hiểm, làm gián đoạn hoạt động kinh tế xã hội của Việt Nam nói riêng và hầu hết các quốc gia trên toàn thế giới; xung đột thương mại Mỹ - Trung vẫn tiếp diễn. Hoạt động kinh doanh của Công ty chịu sự cạnh tranh gay gắt, gặp nhiều khó khăn, chi phí đầu vào tăng. Tuy nhiên, với những giải pháp quyết liệt, ban lãnh đạo cùng toàn thể nhân viên công ty đã nỗ lực hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận do ĐHĐCĐ giao.

*** Việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021:**

- Công ty đã tiến hành phân phối lợi nhuận năm 2020 theo Nghị quyết đã được thông qua tại ĐHĐCĐ.

- Công ty đã xuất sắc hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 theo Nghị quyết đã được thông qua tại ĐHĐCĐ.

- Công ty đã thực hiện việc chi thù lao cho HĐQT và BKS, Phụ trách quản trị Công ty năm 2021; thực hiện trích lập các quỹ theo đúng Nghị quyết đã được thông qua tại ĐHĐCĐ.

- Công ty đã lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 là Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC.

- Theo kế hoạch đầu tư năm 2021, Công ty được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt 9 dự án đầu tư xây dựng và 2 dự án mua sắm thiết bị. Tuy nhiên, vì nhiều lý do khách quan nên chỉ có 1 dự án được thực hiện chiếm tỷ trọng 1,6% so với kế hoạch là Dự án sửa chữa, sơn lại toà nhà văn phòng và nhà kho số 1. Các dự án còn lại Công ty chưa thực hiện (Cụ thể tại mục 3 phần II Báo cáo thường niên năm 2021).

- Công ty đã thành lập 02 tiểu ban giúp việc HĐQT là Tiểu ban nhân sự và chiến lược; Tiểu ban kiểm toán nội bộ và thẩm định dự án. HĐQT cũng đã ban hành Quy chế hoạt động của hai tiểu ban nêu trên.

*** Kết quả thẩm định Báo cáo tài chính năm 2021:**

- Trên cơ sở Báo cáo tài chính do Ban Tổng giám đốc Công ty lập, Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC. Ban Kiểm soát đã xem xét thẩm định và có ý kiến thống nhất với ý kiến kiểm toán của Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC là “*Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính*”.

*** Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty:**

- Hoạt động của Hội đồng Quản trị:

+ Năm 2021, HĐQT đã tổ chức 05 cuộc họp thường kỳ, 01 cuộc họp bất thường và 29 lần lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản. HĐQT đã ban hành 41 Nghị quyết liên quan đến công tác quản trị, SXKD, tổ chức nhân sự, đầu tư, tài chính v.v... Các thành viên HĐQT đã thực hiện nghĩa vụ và quyền hạn của mình theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ, các quy định của Công ty. HĐQT đã làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, luôn theo dõi, giám sát, đôn đốc Ban Tổng giám đốc thực hiện công tác sản xuất kinh doanh, đầu tư, việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của HĐQT...

+ Trong quá trình thực thi nhiệm vụ, Ban Kiểm soát đã được HĐQT, Ban Tổng giám đốc Công ty tạo mọi điều kiện thuận lợi để hoàn thành nhiệm vụ.

- Hoạt động của Ban Tổng giám đốc:

+ Trong năm 2021 đã có sự thay đổi, bổ sung một số vị trí nhân sự trong Ban Điều hành Vosa. Mặc dù có sự thay đổi, hoạt động kinh doanh của Vosa tiếp tục được duy trì ổn định và phát triển.

+ Ban Tổng giám đốc Công ty đã nỗ lực tổ chức triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 diễn biến hết sức phức tạp, cạnh tranh gay gắt trên thị trường để hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh và các nhiệm vụ khác được ĐHQT giao, thực hiện các Nghị Quyết của HĐQT.

*** Về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch:**

+ Ngày 14/01/2021, Công ty ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ cho năm 2021 (Hợp đồng nguyên tắc) giữa Công ty và Công ty cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh (là doanh nghiệp có cổ phần chi phối của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam – CTCP).

+ Ngày 19/05/2021, Công ty ký kết hợp đồng thuê văn phòng giữa Công ty và Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP (là doanh nghiệp có cổ phần chi phối VOSA).

+ Ngày 29/12/2021, Công ty ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ với Công ty Vận tải biển VIMC (đơn vị phụ thuộc của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam – CTCP) về việc thay thuyền viên cho tàu Tây Sơn 3 ngày 29/12/2021 tại Cảng Sơn Dương, Hà Tĩnh; Và ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ cho năm 2022 (Hợp đồng nguyên tắc) giữa Công ty với Công ty cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh (là doanh nghiệp có cổ phần chi phối của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam – CTCP).

*** Phương hướng hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2022:**

- Giám sát Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc thực hiện Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2022.

- Kiểm tra giám sát tính hợp lý, hợp pháp, tính cân trọng, trung thực trong các báo cáo của Công ty về hoạt động sản xuất kinh doanh và công tác tài chính kế toán, thẩm định báo cáo tài chính định kỳ theo quy định;

- Kiểm tra, đánh giá việc triển khai thực hiện, kết quả thực hiện kế hoạch, nhiệm vụ năm 2021, 6 tháng đầu năm 2022 và 9 tháng đầu năm 2022.

- Phối hợp cùng HĐQT, Ban Điều hành các phòng chuyên môn và Công ty kiểm toán độc lập để giám sát việc quản lý và sử dụng vốn, tài sản, công nợ của Vosa, các chi nhánh theo điều lệ Công ty, quy chế quản trị nội bộ và các quy định của Nhà nước. Thực hiện kiểm soát tại Văn phòng Công ty và một số chi nhánh.

- Tham dự đầy đủ các phiên họp thường kỳ của HĐQT để nắm bắt tình hình thực hiện công tác giám sát quản trị và điều hành của Công ty đồng thời đóng góp ý kiến các vấn đề liên quan đến việc quản lý tài chính, điều hành kinh doanh của Công ty.

- Rà soát, có ý kiến đề tiếp tục hoàn thiện các quy chế, quy định quản lý nội bộ của Công ty; Phối hợp với HĐQT, Ban Tổng giám đốc có ý kiến trong việc xây dựng các quy chế, quy định quản lý nội bộ.

- Thực hiện các công tác khác theo chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát.

*** Kiến nghị của Ban Kiểm soát:**

- Chỉ đạo sớm hoàn thành quyết toán dự án xây dựng Văn phòng tại VOSA Nha Trang;

- Rà soát cơ sở nhà đất, thực hiện gia hạn thời gian thuê và hồ sơ pháp lý của các cơ sở nhà đất của Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát:

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

- Hội đồng quản trị thực hiện chi tiền thưởng và thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 đã thông qua ngày 27/04/2021.

TT	Chỉ tiêu	Năm 2021 (đồng)	Ghi chú
1	Thù lao HĐQT và BKS	818.160.000	
1.1	Thù lao của thành viên HĐQT: bình quân 8.640.000 đồng/người/tháng.	622.080.000	06 người
1.2	Thù lao của thành viên BKS: bình quân 5.446.000 đồng/người/tháng.	196.080.000	03 người
2	Tiền thưởng Người quản lý Công ty (HĐQT, BKS, BTGD)	226.800.000	12 người
3	Quỹ tiền lương của Người quản lý Công ty chuyên trách (BTGD, TV HĐQT hưởng lương chuyên trách)	1.814.400.000	04 người
	Cộng	2.859.360.000	

Ghi chú:

- 01 Thành viên HĐQT hưởng lương chuyên trách, nên không hưởng thù lao HĐQT.
- 01 Thành viên BKS xin tạm dừng nhiệm vụ 02 tháng (từ tháng 1/2021 đến hết tháng 02/2021), nên không hưởng thù lao BKS trong thời gian tạm dừng nhiệm vụ.

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có.

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

- Công ty luôn thực hiện theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Điều lệ và các quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Thực hiện tốt các quy định liên quan đến quyền và nghĩa vụ cổ đông và Đại hội cổ đông; thực hiện đúng các quy định về trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát; ngăn ngừa các xung đột lợi ích và không có các giao dịch với người có liên quan trong năm 2021, đảm bảo quyền hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến công ty; thực hiện công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình SXKD, tài chính, quản trị công ty cho UBCKNN, Sở GDCK Hà Nội và cổ đông.

*** Những nội dung chưa thực hiện được theo quy định của pháp luật về quản trị Công ty:** Không có.

VI. Báo cáo tài chính:

- Đề nghị xem toàn bộ Báo cáo tài chính đính kèm hoặc tại đường link sau:

<https://vosa.com.vn/category/thong-tin-co-dong/bao-cao-tai-chinh/nam-2021/>

**Xác nhận của Đại diện
theo pháp luật của Công ty**



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

(đã được kiểm toán)



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Lầu 5, Số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	05 - 37
Bảng cân đối kế toán	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08 - 09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 37



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Lầu 5, Số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đại Lý Hàng Hải Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đại Lý Hàng Hải Việt Nam là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Đại lý Hàng Hải Việt Nam theo Quyết định số 5099/QĐ-BGVTT ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Bộ Giao thông Vận tải và đăng ký thành lập dưới hình thức công ty cổ phần. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày 22 tháng 12 năm 2015, mã chứng khoán VSA.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0300437898 ngày 20 tháng 10 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 08 tháng 07 năm 2021.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lầu 5, Số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đỗ Tiến Đức	Chủ tịch
Ông Trịnh Vũ Khoa	Ủy viên
Ông Ngô Thanh Tùng	Ủy viên
Ông Trần Hồng Quang	Ủy viên
Bà Nguyễn Bích Thảo	Ủy viên
Ông Nguyễn Thế Tiệp	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Thanh Hà	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trịnh Vũ Khoa	Tổng Giám đốc	(Từ nhiệm từ ngày 02/07/2021)
Ông Vũ Phước Long	Phó Tổng Giám đốc phụ trách	(Bổ nhiệm ngày 19/07/2021)
Ông Nguyễn Đình Tú	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 19/07/2021)
Bà Nguyễn Thị Thanh Trang	Phó Tổng Giám đốc	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Hoàng Việt	Trưởng ban
Ông Nguyễn Hồng Hải	Thành viên
Bà Trần Thị Hạnh	Thành viên

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Lầu 5, Số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 03 năm 2022

TM. Ban Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc phụ trách



Vũ Phước Long

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đại Lý Hàng Hải Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đại Lý Hàng Hải Việt Nam được lập ngày 07 tháng 03 năm 2022, từ trang 05 đến trang 37, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đại Lý Hàng Hải Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 03 năm 2022

Công ty TNHH Hàng Kiểm toán AASC

Phó Tổng Giám đốc



Đỗ Minh Quý

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 2434-2018-002-1

Kiểm toán viên

Đào Trung Thành

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 4700-2019-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		613.969.767.038	437.488.607.716
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	287.336.178.633	209.776.632.670
111	1. Tiền		167.616.178.633	110.276.632.670
112	2. Các khoản tương đương tiền		119.720.000.000	99.500.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	04	30.000.000.000	23.220.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		30.000.000.000	23.220.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		243.481.726.554	193.181.396.370
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	222.234.511.614	162.485.570.320
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	8.471.106.572	14.165.530.803
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	07	12.998.116.457	16.794.826.237
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(222.008.089)	(264.530.990)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		53.151.861.851	11.310.578.676
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	39.856.266.767	251.963.308
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		13.108.525.249	10.815.163.036
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	187.069.835	243.452.332
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		170.410.223.186	182.927.236.052
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		9.027.355.888	8.959.945.488
216	1. Phải thu dài hạn khác	07	9.027.355.888	8.959.945.488
220	II. Tài sản cố định		63.951.010.127	71.425.679.944
221	1. Tài sản cố định hữu hình	09	46.954.556.079	54.206.668.153
222	- Nguyên giá		153.108.154.343	153.548.760.434
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(106.153.598.264)	(99.342.092.281)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	16.996.454.048	17.219.011.791
228	- Nguyên giá		20.849.121.024	20.849.121.024
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.852.666.976)	(3.630.109.233)
230	III. Bất động sản đầu tư	11	25.593.740.056	29.580.310.354
231	- Nguyên giá		74.746.984.356	74.746.984.356
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(49.153.244.300)	(45.166.674.002)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		-	108.500.000
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	108.500.000
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	04	12.693.614.333	13.542.299.149
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		7.248.600.000	7.248.600.000
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		9.832.643.025	11.614.263.664
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(4.387.628.692)	(5.320.564.515)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		59.144.502.782	59.310.501.117
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	59.144.502.782	59.310.501.117
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		784.379.990.224	620.415.843.768

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021
 (tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		414.855.500.101	243.210.238.818
310	I. Nợ ngắn hạn		413.468.174.017	241.860.912.734
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	154.089.891.872	92.202.203.410
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	10.076.011.499	13.423.277.344
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	16.157.400.620	5.641.324.815
314	4. Phải trả người lao động		20.992.829.653	14.443.662.843
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	24.423.219.843	5.582.815.618
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	18	164.240.491	2.111.920.000
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	17	179.060.592.035	97.993.178.326
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		8.503.988.004	10.462.530.378
330	II. Nợ dài hạn		1.387.326.084	1.349.326.084
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	16	500.000.000	500.000.000
337	2. Phải trả dài hạn khác	17	887.326.084	849.326.084
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		369.524.490.123	377.205.604.950
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	369.524.490.123	377.205.604.950
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		140.964.860.000	140.964.860.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		140.964.860.000	140.964.860.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		124.241.027.257	124.241.027.257
420	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		14.815.755.392	14.816.955.392
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		89.502.847.474	97.182.762.301
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		51.035.687.536	60.226.594.642
421b	LNST chưa phân phối năm nay		38.467.159.938	36.956.167.659
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		784.379.990.224	620.415.843.768

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 03 năm 2022

Người lập

Phó Trưởng phòng TCKT phụ trách

Phó Tổng Giám đốc phụ trách

Nguyễn Phước Quý Hùng

Võ Trung Thắng

Vũ Phước Long



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	1.605.521.411.662	1.013.146.404.608
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.605.521.411.662	1.013.146.404.608
11	4. Giá vốn hàng bán	22	1.507.891.270.846	937.196.004.027
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		97.630.140.816	75.950.400.581
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	14.671.087.200	23.433.359.245
22	7. Chi phí tài chính	24	1.967.800.806	2.035.351.006
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	17.011.825
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	60.622.100.222	55.361.689.235
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		49.711.326.988	41.986.719.585
31	11. Thu nhập khác	26	291.837.162	508.004.395
32	12. Chi phí khác	27	1.982.187.085	240.637.119
40	13. Lợi nhuận khác		(1.690.349.923)	267.367.276
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		48.020.977.065	42.254.086.861
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28	9.553.817.127	5.297.919.202
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		38.467.159.938	36.956.167.659
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29	2.729	2.622

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 03 năm 2022

Người lập

Phó Trưởng phòng TCKT phụ trách

Phó Tổng Giám đốc phụ trách



Nguyễn Phước Quý Hùng



Võ Trung Thắng



Vũ Phước Long

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		48.020.977.065	42.254.086.861
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		11.461.240.115	12.503.235.616
03	Các khoản dự phòng		(975.458.724)	(4.517.347.430)
04	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		562.163.273	42.908.300
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(9.426.231.929)	(20.815.645.768)
06	Chi phí lãi vay		-	17.011.825
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		49.642.689.800	29.484.249.404
09	Tăng, giảm các khoản phải thu		(51.925.030.025)	(39.708.414.459)
11	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		171.224.645.947	42.240.693.096
12	Tăng, giảm chi phí trả trước		(39.438.305.124)	10.252.159.246
14	Tiền lãi vay đã trả		-	(17.011.825)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(6.997.919.202)	(5.238.911.687)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(5.817.359.139)	(4.287.598.934)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		116.688.722.257	32.725.164.841
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	(449.431.890)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		78.000.000	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(62.000.000.000)	(22.220.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		55.220.000.000	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị		(806.725.000)	-
26	5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		2.588.345.639	-
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		8.728.082.835	20.929.658.074
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		3.807.703.474	(1.739.773.816)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		-	(195.000.000)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở		(42.289.458.000)	(774.400.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(42.289.458.000)	(969.400.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		78.206.967.731	30.015.991.025
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		209.776.632.670	179.783.658.944
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(647.421.768)	(23.017.299)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	287.336.178.633	209.776.632.670

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 03 năm 2022

Người lập

Phó Trưởng phòng TCKT phụ trách

Phó Tổng Giám đốc phụ trách

Nguyễn Phước Quý Hùng

Võ Trung Thắng



Vũ Phước Long

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *Năm 2021*

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đại Lý Hàng Hải Việt Nam là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Đại lý Hàng Hải Việt Nam theo Quyết định số 5099/QĐ-BGVTT ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Bộ Giao thông Vận tải và đăng ký thành lập dưới hình thức công ty cổ phần. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày 22 tháng 12 năm 2015, mã chứng khoán VSA.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0300437898 ngày 20 tháng 10 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 08 tháng 07 năm 2021.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lầu 5, Số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty là 140.964.860.000 VND tương đương với 14.096.486 cổ phần. Mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 VND.

Lĩnh vực kinh doanh

Dịch vụ, thương mại hàng hải.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Đại lý, kiểm đếm hàng hóa;
- Môi giới và dịch vụ hàng hải;
- Đại lý tàu biển (cung ứng thực phẩm, nước ngọt) và đại lý vận tải (giao nhận kho vận, kho ngoại quan);
- Dịch vụ cung ứng tàu biển, vận tải đa phương thức quốc tế; dịch vụ lai dắt tàu biển; dịch vụ logistics và kinh doanh vận tải biển;
- Dịch vụ khai thuê hải quan;
- Xuất nhập khẩu, mua bán, đại lý ký gửi hàng hóa trong và ngoài nước gồm: hóa chất phục vụ sản xuất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), hàng nông - hải sản;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ và đường thủy;
- Bốc xếp hàng hóa, đại lý ký gửi hàng, vận tải đa phương quốc tế, dịch vụ lai dắt tàu biển;
- Dịch vụ logistic, mua bán, cho thuê và sửa chữa container;
- Kinh doanh kho bãi, kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch, khách sạn (không kinh doanh khách sạn tại trụ sở) và dịch vụ khai thuê hải quan.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm 2021, do tình hình giá cước vận tải tăng cao nên doanh thu của Công ty kỳ này đạt 1.605 tỷ đồng, tăng 592 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước (tương đương tỷ lệ tăng 58%) đặc biệt là hoạt động về dịch vụ đại lý vận tải. Tuy nhiên, giá vốn dịch vụ đại lý cũng tăng mạnh tương ứng do giá dịch vụ thị trường tăng làm cho giá vốn kỳ này cũng tăng 570 tỷ đồng (tương đương tỷ lệ tăng 61%). Do đó, tuy doanh thu tăng cao nhưng lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ kỳ này chỉ tăng 21,7 tỷ đồng (tương đương tỷ lệ tăng 28%).

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng Hải Việt Nam - Đại lý Hàng hải Quảng Ninh	Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	Đại lý vận tải; Đại lý cho các hãng tàu - Các dịch vụ hàng hải; Văn phòng cho thuê; Môi giới và thuê tàu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Lầu 5, Số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng Hải Việt Nam - Đại lý Hàng hải Hải Phòng	Thành phố Hải Phòng	Đại lý tàu - Các dịch vụ hàng hải; Môi giới và dịch vụ hàng hải; Đại lý vận tải (Giao nhận kho vận, Kho ngoại quan...).
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng Hải Việt Nam - Đại lý Hàng hải Hà Nội	Thành phố Hà Nội	Đại lý giao nhận vận tải; Đại lý cho các hãng tàu - Các dịch vụ hàng hải; Dịch vụ kho bãi và phân phối.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng Hải Việt Nam - Đại lý Hàng hải Bến Thủy	Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An	Đại lý vận tải; Đại lý cho các hãng tàu - Các dịch vụ hàng hải; Văn phòng cho thuê; Môi giới và thuê tàu.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng Hải Việt Nam - Đại lý Hàng hải Đà Nẵng	Thành phố Đà Nẵng	Đại lý tàu - Các dịch vụ hàng hải; Môi giới và dịch vụ hàng hải; Đại lý vận tải (Giao nhận kho vận, Kho ngoại quan...).
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng Hải Việt Nam - Đại lý Hàng hải Quy Nhơn	Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định	Đại lý tàu - Các dịch vụ hàng hải; Môi giới và dịch vụ hàng hải; Đại lý vận tải (Giao nhận kho vận, Kho ngoại quan...).
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng Hải Việt Nam - Đại lý Hàng hải Nha Trang	Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Đại lý tàu - Các dịch vụ hàng hải; Môi giới và dịch vụ hàng hải; Đại lý vận tải (Giao nhận kho vận, Kho ngoại quan...).
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng Hải Việt Nam - Đại lý Hàng hải Vũng Tàu	Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Đại lý tàu - Các dịch vụ hàng hải; Môi giới và dịch vụ hàng hải; Đại lý vận tải (Giao nhận kho vận, Kho ngoại quan...).
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng Hải Việt Nam - Đại lý Hàng hải Cần Thơ	Thành phố Cần Thơ	Đại lý tàu - Các dịch vụ hàng hải; Môi giới và dịch vụ hàng hải; Đại lý vận tải (Giao nhận kho vận, Kho ngoại quan...).
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng Hải Việt Nam - Đại lý Hàng hải Sài Gòn	Thành phố Hồ Chí Minh	Đại lý cho các hãng tàu - Các dịch vụ hàng hải; Kiểm đếm hàng rời, hàng công; Đại lý vận tải đường hàng không, đường biển.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng Hải Việt Nam - Đại lý Vận tải Quốc tế Phía Bắc	Thành phố Hải Phòng	Đại lý hàng hải và môi giới thuê tàu; Giao nhận, vận tải hàng công trình; Giao nhận, vận tải đường biển.
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng Hải Việt Nam - Dịch vụ Hàng hải Phương Đông	Thành phố Hải Phòng	Đại lý tàu - Các dịch vụ hàng hải; Môi giới và dịch vụ hàng hải; Đại lý vận tải (Giao nhận kho vận, Kho ngoại quan...).
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng Hải Việt Nam - Đại lý Thương mại và Dịch vụ Hàng Hải	Thành phố Hồ Chí Minh	Đại lý tàu - Các dịch vụ hàng hải; Môi giới và dịch vụ hàng hải; Đại lý vận tải (Giao nhận kho vận, Kho ngoại quan...).
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng Hải Việt Nam - Đại lý Dịch vụ Hàng Hải và Thương mại	Thành phố Hồ Chí Minh	Đại lý tàu - Các dịch vụ hàng hải; Môi giới và dịch vụ hàng hải; Đại lý vận tải (Giao nhận kho vận, Kho ngoại quan...).

Thông tin về công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên hạch toán độc lập và của Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

2.4 . Công cụ tài chính*Ghi nhận ban đầu**Tài sản tài chính*

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 44 năm
- Phương tiện vận tải	05 - 11 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
- Quyền sử dụng đất	34 - 50 năm
- Phần mềm máy tính	03 - 05 năm

2.10. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 20 năm
--------------------------	-------------

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trên Báo cáo tài chính sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

2.11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại tài sản cố định khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.12. Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Chi phí thuê đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25/04/2013 về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định vô hình, các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 01 - 03 năm.

Chi phí trả trước khác bao gồm chi phí bảo hiểm, chi phí thuê tài sản... đang ghi nhận theo chi phí thực tế và phân bổ theo thời hạn của hợp đồng.

2.14. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.15. Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.17. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.19. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

2.20. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.21. Doanh thu*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.22. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.23. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.24. Thuế thu nhập doanh nghiệp**a) Chi phí thuế TNDN hiện hành**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

2.25. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.26. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.27. Thông tin bộ phận

Do hoạt động chính của Công ty là đại lý vận chuyển, tàu biển và các dịch vụ kèm theo tại Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	368.209.764	564.105.390
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	167.247.968.869	109.712.527.280
Các khoản tương đương tiền (*)	119.720.000.000	99.500.000.000
	287.336.178.633	209.776.632.670

(*) Tại ngày 31/12/2021, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến 03 tháng được gửi tại các Ngân hàng Thương mại Cổ phần với lãi suất từ 2,9%/năm đến 4,6%/năm.

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	30.000.000.000	-	23.220.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	30.000.000.000	-	23.220.000.000	-
	30.000.000.000	-	23.220.000.000	-

(*) Tại ngày 31/12/2021, các khoản đầu tư ngắn hạn là khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng đến 12 tháng được gửi tại các Ngân hàng Thương mại Cổ phần với lãi suất 4,4 - 4,6%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Lầu 5, Số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2021			01/01/2021		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên kết	7.248.600.000		(4.387.628.692)	7.248.600.000		(4.599.664.515)
- Công ty TNHH NYK Auto Logistics (Việt Nam)	7.248.600.000		(4.387.628.692)	7.248.600.000		(4.599.664.515)
Đầu tư vào đơn vị khác	9.832.643.025	34.389.498.000	-	11.614.263.664	18.970.832.000	(720.900.000)
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam (Mã MSB) ^(*)	7.638.539.361	33.824.498.000	-	7.400.160.000	17.171.732.000	-
- Tổng Công ty Thép Việt Nam - Công ty Cổ phần (Mã TVN) ^(*)	-	-	-	2.020.000.000	1.600.000.000	(420.000.000)
- Công ty Cổ phần Vinalines Logistics - Việt Nam (Mã VLG) ^(*)	500.000.000	565.000.000	-	500.000.000	199.100.000	(300.900.000)
- Công ty TNHH Yusen Logistics và Vận tải Việt Nam	1.072.836.000			1.072.836.000		
- Công ty TNHH Yusen Logistics Việt Nam	63.746.040			63.746.040		
- Công ty liên doanh Bông Sen	557.521.624			557.521.624		
	17.081.243.025	34.389.498.000	(4.387.628.692)	18.862.863.664	18.970.832.000	(5.320.564.515)

^(*) Giá trị hợp lý tại ngày 31/12/2021 và ngày 01/01/2021 đối với cổ phiếu của công ty niêm yết là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày 31/12/2021 và ngày 31/12/2020, đối với cổ phiếu niêm yết giao dịch trên sàn UPCOM là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm lập báo cáo tài chính do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.

Ngoài các khoản đầu tư trên, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính còn lại do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Lầu 5, Số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

(i) Trong năm, Công ty đã có các giao dịch mua/bán cổ phần của Tổng Công ty Thép Việt Nam như sau:

- Giao dịch bán 200.000 cổ phần của Tổng Công ty Thép Việt Nam (Mã TVN) cho các nhà đầu tư khác, tương đương tổng giá phí 2.020.000.000, tổng giá bán 3.044.020.000 đồng.

(ii) Trong năm, Công ty đã có các giao dịch mua/bán cổ phần của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam như sau:

- Giao dịch mua 70.150 cổ phần của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam (Mã MSB) từ cổ phiếu quỹ do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam phát hành, tương đương tổng mệnh giá 701.500.000 đồng, giá phí 806.725.000 đồng.
- Giao dịch bán 70.150 cổ phần của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam (Mã MSB) cho các nhà đầu tư khác, tương đương tổng giá phí 568.345.639 đồng, tổng giá bán 1.301.702.750 đồng.
- Sau các giao dịch trên, tại ngày 31/12/2021, Công ty đang sở hữu 913.390 cổ phần của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam (Mã MSB), tương đương tổng mệnh giá 9.133.900.000 đồng, giá phí đầu tư của số cổ phần này là 7.638.539.361 đồng.

Đầu tư vào Công ty liên kết

Thông tin chi tiết về công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2021 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty TNHH NYK Auto Logistics (Việt Nam)	Thành phố Hồ Chí Minh	20,00%	20,00%	Vận tải đường biển, giao nhận và cho thuê kho bãi.

Đầu tư vào đơn vị khác

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư vào đơn vị khác của Công ty vào ngày 31/12/2021 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam	Thành phố Hà Nội	0,078%	0,078%	Hoạt động dịch vụ tài chính (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội).
- Công ty Cổ phần Vinalines Logistics - Việt Nam	Thành phố Hồ Chí Minh	0,35%	0,35%	Vận chuyển, giao nhận hàng hóa; vận tải biển.
- Công ty TNHH Yusen Logistics và Vận tải Việt Nam (1)	Thành phố Hà Nội	51,00%	0,00%	Vận tải đường bộ, giao nhận và cho thuê kho bãi; làm thủ tục hải quan, môi giới.
- Công ty TNHH Yusen Logistics Việt Nam (2)	Thành phố Hồ Chí Minh	1,00%	1,00%	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.
- Công ty Liên doanh Bông Sen (3)	Thành phố Hồ Chí Minh	0,27%	0,27%	Vận chuyển, giao nhận hàng hóa; vận tải biển.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

⁽¹⁾ Ngày 01/04/2014, Công ty Cổ phần Đại lý Hàng Hải Việt Nam (VOSA) và Công ty Yusen Logistics (Singapore) Pte., Ltd thành lập Công ty TNHH Yusen Logistics và Vận tải Việt Nam với vốn điều lệ 100.000 USD, tỷ lệ góp vốn của VOSA là 51%. Theo hợp đồng liên doanh được ký kết với Yusen Logistics (Singapore) Pte., Ltd vào ngày 10/09/2013, VOSA sẽ trao cho Yusen Logistics (Singapore) Pte., Ltd quyền được quản lý, kiểm soát Công ty TNHH Yusen Logistics và vận tải Việt Nam đổi lại VOSA sẽ nhận được khoản phí quản lý cố định hàng năm là 40.000 USD từ Yusen Logistics (Singapore) Pte., Ltd. Đối với phần lợi nhuận từ liên doanh vẫn được chia theo tỷ lệ góp vốn của mỗi bên.

⁽²⁾ Ngày 26/03/2014, Công ty Cổ phần Đại lý Hàng Hải Việt Nam (VOSA) và Công ty Yusen Logistics (Singapore) Pte., Ltd (YLSG) thỏa thuận ký kết hợp đồng chuyển nhượng vốn. Theo đó, VOSA đồng ý chuyển nhượng một phần vốn góp trong Công ty TNHH Yusen Logistics Việt Nam (sau đây gọi là "Công ty") tương ứng với 50% vốn điều lệ (tương đương 200.000 USD). Theo hợp đồng chuyển nhượng, VOSA sẽ tiếp tục được chia lợi nhuận từ số dư lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty lũy kể đến 31/03/2014 theo tỷ lệ góp vốn trước thời điểm chuyển nhượng (tỷ lệ góp vốn của VOSA là 51%, YLSG là 49%) và khoản lợi nhuận này sẽ được chia cho các bên theo bảy (07) đợt thanh toán hằng năm bằng nhau trong bảy (07) năm tài chính sau ngày 31/03/2014 (phân kỳ 07 năm từ 2014-2020), mỗi kỳ VOSA nhận được số tiền 15,5 tỷ đồng. Sau ngày 31/03/2014, Công ty chia lợi nhuận từ các khoản lợi nhuận sau thuế khác, VOSA chỉ được nhận khoản lợi tức đảm bảo và YLSG được nhận các khoản lợi nhuận sau thuế còn lại của Công ty sau khi trừ đi các khoản lợi tức đảm bảo.

⁽³⁾ Được thành lập năm 1991, Công ty Liên doanh Bông sen (Cảng LOTUS) là đơn vị liên doanh đầu tiên tại Việt Nam trong lĩnh vực khai thác cảng biển Quốc tế giữa Công ty VIETTRANS, VOSA, và đối tác nước ngoài BLASCO - Ukraine. Tại Công ty này, VOSA có vốn góp ban đầu là 23.705 USD với tỷ lệ góp vốn là 0,27%. Hằng năm, liên doanh đều chia lãi liên doanh và giữ lại một phần lợi nhuận để tái đầu tư. Số tiền lãi VOSA thực nhận hằng năm không đáng kể do tỷ lệ góp vốn thấp.

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
- Công ty TNHH Naigai Nitto Logistics Việt Nam	15.734.978.579	-	16.336.822.282	-
- Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo	7.969.212.862	-	12.237.761.474	-
- Nippon Yusen Kabushiki Kaisha	7.374.432.959	-	5.389.313.378	-
- Công ty TNHH Nam Sung Shipping Việt Nam	2.306.467.026	-	3.589.959.023	-
- Công ty TNHH Sản xuất Bột mì Vimaflour	4.376.166.295	-	269.707.899	-
- Công ty TNHH KD Sports Việt Nam	2.352.075.433	-	4.864.193.903	-
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam	5.579.760.308	-	4.018.544.653	-
- Công ty TNHH Thương mại Và Dịch vụ Logistics Hải Long	4.271.094.587	-	-	-
- Euro Pac Logistics Pte., Ltd	4.069.122.820	-	1.321.491.460	-
- Công ty Cổ phần Alk Vina	6.381.229.488	-	4.039.200.147	-
- Công ty TNHH Tiếp vận Thăng Long	-	-	-	-
- Công ty TNHH Wilhelmsen	2.251.205.997	-	4.868.240.229	-
- Công ty TNHH Shang Wood Industries	2.412.591.390	-	2.073.428.066	-
- Công ty TNHH Jas Việt Nam	17.738.321.895	-	14.261.828.719	-
- Công ty TNHH Giao nhận Vận tải Cargonet Việt Nam	17.034.952.164	-	-	-
- Công ty TNHH Fedex Trade Networks Transport and Brokerage	10.206.065.844	-	9.082.941.349	-
- Công Ty TNHH Freight Mark Việt Nam	2.198.965.755	-	-	-
- Công Ty TNHH Trust Cargo Aviation & Solution	2.117.243.062	-	-	-
- Công ty TNHH Dịch Vụ Giao Nhận AAAS	3.250.235.061	-	2.010.232.173	-
- Công ty Cổ phần Thương mại Giao nhận Hàng hóa Quốc tế APS	12.234.741.261	-	1.985.405.222	-
- Công ty TNHH Giao nhận Ba Rôm	2.712.713.326	-	3.924.310.610	-
- Công ty TNHH Hóa chất Taiko - Đại Hùng	1.187.323.048	-	3.041.459.180	-
- Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải và Thương mại Liberty	8.247.920.000	-	-	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	80.227.692.454	(125.410.683)	69.170.730.553	(167.933.584)
	222.234.511.614	(125.410.683)	162.485.570.320	(167.933.584)
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan	125.410.683	(125.410.683)	129.552.183	(125.410.683)
<i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 35)</i>				

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Lầu 5, Số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Cảng vụ Hàng hải Thành phố Hồ Chí Minh	1.500.000.000	-	1.282.023.867	-
- Cảng vụ Hàng hải Vũng Tàu	422.969.400	-	2.143.616.112	-
- Cảng vụ Hàng hải Quảng Ninh	2.981.028.102	-	2.970.786.766	-
- Cảng vụ Hàng hải Nha Trang	63.894.663	-	261.814.254	-
- Cảng vụ Hàng hải Hải Phòng	388.593.115	-	-	-
- Công ty TNHH Tiếp vận Sao Mai	-	-	4.125.742.500	-
- Trả trước cho người bán khác	3.114.621.292	-	3.381.547.304	-
	8.471.106.572	-	14.165.530.803	-

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	15.000.000	-	70.000.000	-
- Phải thu KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN	-	-	4.548.456	-
- Phải thu về tạm ứng	3.536.409.413	-	7.052.573.559	-
- Ký cược, ký quỹ	283.772.101	-	119.076.170	-
- Chi hộ vận chuyển, cước tàu, phí lưu kho, phí chứng từ, xếp dỡ cho các hãng tàu	6.859.467.262	(96.597.406)	9.154.686.124	(96.597.406)
- Phí sửa chữa cont được hỗ trợ	1.191.019.831	-	-	-
- Lãi tiền gửi có kỳ hạn	999.656.315	-	324.507.221	-
- Phải thu tiền cược cont	60.000.000	-	-	-
- Phải thu khác	52.791.535	-	69.434.707	-
	12.998.116.457	(96.597.406)	16.794.826.237	(96.597.406)
b) Dài hạn				
- Ký cược, ký quỹ	9.027.355.888	-	8.959.945.488	-
	9.027.355.888	-	8.959.945.488	-

8 . NỢ XẤU

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
+ Công ty Cổ phần Vinalines Nha Trang	125.410.683	-	125.410.683	-
+ Shipping Corporation of India	96.597.406	-	96.597.406	-
+ Các đối tượng khác	-	-	91.230.901	48.708.000
	222.008.089	-	313.238.990	48.708.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Lầu 5, Số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

9 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	97.692.012.106	49.667.122.763	6.189.625.565	153.548.760.434
- Thanh lý, nhượng bán	-	(440.606.091)	-	(440.606.091)
Số dư cuối năm	97.692.012.106	49.226.516.672	6.189.625.565	153.108.154.343
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	58.512.480.528	35.841.834.268	4.987.777.485	99.342.092.281
- Khấu hao trong năm	3.438.699.716	3.689.623.030	123.789.328	7.252.112.074
- Thanh lý, nhượng bán	-	(440.606.091)	-	(440.606.091)
- Phân loại	(179.566.837)	137.196.003	42.370.834	-
Số dư cuối năm	61.771.613.407	39.228.047.210	5.153.937.647	106.153.598.264
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	39.179.531.578	13.825.288.495	1.201.848.080	54.206.668.153
Tại ngày cuối năm	35.920.398.699	9.998.469.462	1.035.687.918	46.954.556.079

Trong đó

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 48.104.129.807 đồng.

10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	18.659.091.724	2.190.029.300	20.849.121.024
Số dư cuối năm	18.659.091.724	2.190.029.300	20.849.121.024
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	1.560.905.770	2.069.203.463	3.630.109.233
- Khấu hao trong năm	191.467.747	31.089.996	222.557.743
Số dư cuối năm	1.752.373.517	2.100.293.459	3.852.666.976
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	17.098.185.954	120.825.837	17.219.011.791
Tại ngày cuối năm	16.906.718.207	89.735.841	16.996.454.048

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.826.939.300 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Lầu 5, Số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

11 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**Bất động sản đầu tư cho thuê**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Cộng
	VND	VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	74.746.984.356	74.746.984.356
Số dư cuối năm	<u>74.746.984.356</u>	<u>74.746.984.356</u>
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	45.166.674.002	45.166.674.002
- Khấu hao trong năm	3.986.570.298	3.986.570.298
Số dư cuối năm	<u>49.153.244.300</u>	<u>49.153.244.300</u>
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	29.580.310.354	29.580.310.354
Tại ngày cuối năm	<u>25.593.740.056</u>	<u>25.593.740.056</u>

- Nguyên giá Bất động sản đầu tư đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê: 2.786.346.738 VND

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31/12/2021. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê và giá thị trường của các tài sản này, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc năm tài chính.

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	47.952.421	77.738.333
- Chi phí làm hàng (*)	39.596.494.945	-
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	211.819.401	174.224.975
	<u>39.856.266.767</u>	<u>251.963.308</u>
b) Dài hạn		
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	723.794.494	412.028.190
- Tiền thuê đất trả trước (**)	56.969.529.041	58.281.269.314
- Chi phí sửa chữa tài sản	1.352.950.884	475.871.391
- Chi phí trả trước dài hạn khác	98.228.363	141.332.222
	<u>59.144.502.782</u>	<u>59.310.501.117</u>

(*) Khoản chi phí làm hàng 6000 tấn gạo theo hợp đồng cung cấp dịch vụ giao nhận, vận chuyển bằng đường bộ và vận chuyển bằng đường biển quốc tế gạo Dự trữ Quốc Gia viện trợ Cuba hợp đồng số 50/HĐVC/CDTHH-NF ngày 27/10/2021 và các phụ lục đính kèm. Chi phí tập hợp bao gồm các chi phí cước tàu, bốc xếp gạo, dịch vụ vận chuyển,... Tại ngày 31/12/2021, hợp đồng này vẫn đang thực hiện, các khoản chi phí này sẽ được ghi nhận vào giá vốn tương ứng với doanh thu sau khi hợp đồng hoàn thành nghiệm thu.

(**) Trong đó chủ yếu là khoản trả trước tiền thuê đất một lần tại số 25 phố Điện Biên Phủ, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng cho thời hạn thuê 50 năm (từ ngày 24/06/2016 đến ngày 24/06/2066). Công ty đã hoàn tất các thủ tục và đã được nhà nước cấp "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất" vào ngày 17/05/2017 với giá trị ghi nhận ban đầu của quyền sử dụng đất là 60.896.981.000 đồng. Giá trị còn lại chưa phân bổ tại ngày 31/12/2021 là 54.502.798.012 đồng (số liệu ghi nhận tại ngày 01/01/2021 là 55.720.737.628 đồng, tiền thuê đất trả trước phân bổ trong năm 2021 là 1.217.939.616 đồng). Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất. (Xem thêm thuyết minh 2.16)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Lầu 5, Số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty Cổ phần Sao biển	427.703.224	427.703.224	2.533.679.702	2.533.679.702
- Iata Vietnam Company Limited	34.073.757.545	34.073.757.545	22.470.384.057	22.470.384.057
- Công ty TNHH MTV Tổng Chi nhánh Tân Cảng Sài Gòn	9.858.602.043	9.858.602.043	370.201.146	370.201.146
- Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Tiên Bộ	3.048.631.938	3.048.631.938	6.691.757.369	6.691.757.369
- Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Tân Cảng	1.827.134.497	1.827.134.497	2.326.319.666	2.326.319.666
- Công ty TNHH Thăng Lá	2.538.441.028	2.538.441.028	-	-
- Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vận tải Đông Bắc	1.873.994.896	1.873.994.896	-	-
- Cotransa Co.,Ltd	5.298.098.102	5.298.098.102	72.779.025	72.779.025
- Starline Multi Trans Services., Ltd	12.799.142.938	12.799.142.938	289.673.110	289.673.110
- Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hóa Bầu Trời	5.051.742.310	5.051.742.310	246.426.172	246.426.172
- Công ty Cổ phần Thương mại Vận tải và Xuất nhập khẩu An Bình	9.809.030.170	9.809.030.170	7.498.890.176	7.498.890.176
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Logistics Hải Long	7.169.719.755	7.169.719.755	567.298.271	567.298.271
- Euro Pac Logistics Pte., Ltd	2.935.461.333	2.935.461.333	1.282.810.756	1.282.810.756
- Phải trả các đối tượng khác	57.378.432.093	57.378.432.093	47.851.983.960	47.851.983.960
	154.089.891.872	154.089.891.872	92.202.203.410	92.202.203.410
b) Phải trả người bán là các bên liên quan	396.861.435	396.861.435	-	-
<i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 35)</i>				

14 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Inlaco Japan Co., Ltd	-	1.156.147.200
- Proveverbet Trading	-	640.414.274
- Imc Shipping Co Pte Limited	933.162.050	-
- Công ty TNHH Thương mại vận tải Trung Thành	300.000.000	55.010.111
- NS United Kaiun Kaisha., Ltd	-	202.151.242
- Daio Kaiun Co., Ltd	897.619.830	-
- Công ty TNHH Một thành viên Chuyển phát nhanh Thuận Phong	1.172.992.000	-
- Tổng Công ty Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp Quốc Phòng - Tổng cục Công nghiệp Quốc Phòng	-	1.312.740.000
- Công ty TNHH Seojin Việt Nam	-	2.058.524.000
- Các khoản phải trả khác	6.772.237.619	7.998.290.517
	10.076.011.499	13.423.277.344
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan	-	8.821.711
<i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 35)</i>		

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Lầu 5, Số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	19.744.566	1.073.394.612	11.770.058.421	11.443.535.278	-	1.380.173.189
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	810.339.192	9.553.817.127	6.997.919.202	-	3.366.237.117
- Thuế thu nhập cá nhân	223.707.766	88.246.849	1.962.452.630	1.844.826.560	187.069.835	169.234.988
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	1.103.852.220	3.499.322.736	2.814.563.616	-	1.788.611.340
- Các loại thuế khác	-	2.565.491.942	38.762.314.538	31.874.662.494	-	9.453.143.986
+ Thuế GTGT, TNDN của Nhà thầu nước ngoài	-	2.565.491.942	38.743.314.538	31.855.662.494	-	9.453.143.986
+ Các loại thuế khác	-	-	19.000.000	19.000.000	-	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	3.188.747	3.188.747	-	-
	243.452.332	5.641.324.815	65.551.154.199	54.978.695.897	187.069.835	16.157.400.620

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Lầu 5, Số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Trích trước giá vốn dịch vụ đã cung cấp	23.119.816.665	3.994.428.124
- Trích trước chi phí tiền thuê kho	870.550.000	663.757.605
- Chi phí tư vấn, giám sát và thi công nhà 44 - 46 Nguyễn Tất Thành	-	305.094.715
- Chi phí phải trả ngắn hạn khác	432.853.178	619.535.174
	24.423.219.843	5.582.815.618
b) Dài hạn		
- Chi phí phải trả dài hạn khác	500.000.000	500.000.000
	500.000.000	500.000.000

17 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Phải nộp KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN	1.280.239.014	1.216.990.200
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	479.503.335	479.503.335
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	10.397.580.350	3.447.246.704
- Các khoản trả hộ và tiền nhận để trả hộ cho các hãng tàu	143.079.666.412	75.521.583.228
+ <i>Sinotrans Container Lines Co.,Ltd</i>	44.049.187.255	3.644.917.908
+ <i>Shanghai Zhonggu Logistics Co.,Ltd</i>	55.176.493.677	-
+ <i>Namsung Shipping Co.,Ltd</i>	10.879.359.330	7.679.485.917
+ <i>Lian Yun Gang MRMT Ship Industry Co.,Ltd</i>	-	34.271.220.323
+ <i>Các đối tượng khác</i>	32.974.626.150	29.925.959.080
- Tiền tài khoản ký ngân của các hãng tàu	19.099.855.329	13.315.245.814
- Giữ hộ tiền của Công ty TNHH SYMS Việt Nam	3.737.387.440	3.737.387.440
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	986.360.155	275.221.605
	179.060.592.035	97.993.178.326
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	887.326.084	849.326.084
	887.326.084	849.326.084

18 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Doanh thu cho thuê kho	164.240.491	2.111.920.000
	164.240.491	2.111.920.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Lầu 5, Số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn Chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2020	140.964.860.000	113.346.962.745	14.240.002.725	76.348.555.926	344.900.381.396
Lãi trong năm trước	-	-	-	36.956.167.659	36.956.167.659
Trích lập các quỹ	-	10.894.064.512	726.270.967	(11.620.335.479)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(4.357.625.805)	(4.357.625.805)
Trích lập quỹ khen thưởng ban điều hành	-	-	-	(144.000.000)	(144.000.000)
Sử dụng các quỹ	-	-	(149.318.300)	-	(149.318.300)
Số dư tại ngày 31/12/2020	140.964.860.000	124.241.027.257	14.816.955.392	97.182.762.301	377.205.604.950
Số dư tại ngày 01/01/2021	140.964.860.000	124.241.027.257	14.816.955.392	97.182.762.301	377.205.604.950
Lãi trong kỳ này	-	-	-	38.467.159.938	38.467.159.938
Trích lập quỹ khen thưởng ban điều hành (*)	-	-	-	(162.000.000)	(162.000.000)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	(3.695.616.765)	(3.695.616.765)
Chia cổ tức	-	-	-	(42.289.458.000)	(42.289.458.000)
Sử dụng các quỹ	-	-	(1.200.000)	-	(1.200.000)
Số dư tại ngày 31/12/2021	140.964.860.000	124.241.027.257	14.815.755.392	89.502.847.474	369.524.490.123

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Lầu 5, Số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

(*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 04 năm 2021, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2020 như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế năm 2020	100,00	36.956.167.659
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	10,00	3.695.616.765
Trích quỹ thưởng ban điều hành	0,44	162.000.000
Chi trả cổ tức 15%/vốn điều lệ (tương ứng mỗi cổ phần nhận 1.500 đồng)	57,22	21.144.729.000
Lợi nhuận sau thuế còn lại năm 2020 chưa phân phối	32,35	11.953.821.894

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ %	Cuối năm VND	Tỷ lệ %	Đầu năm VND
- Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên	51,05	71.968.380.000	51,05	71.968.380.000
- Các cổ đông khác	48,95	68.996.480.000	48,95	68.996.480.000
	100	140.964.860.000	100	140.964.860.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	140.964.860.000	140.964.860.000
- Vốn góp đầu năm	140.964.860.000	140.964.860.000
- Vốn góp cuối năm		
Cổ tức, lợi nhuận	479.503.335	1.253.903.335
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu kỳ	42.289.458.000	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	42.289.458.000	-
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(42.289.458.000)	(774.400.000)
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(42.289.458.000)	(774.400.000)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước		
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ	479.503.335	479.503.335

d) Cổ phiếu

	31/12/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14.096.486	14.096.486
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	14.096.486	14.096.486
- Cổ phiếu phổ thông	14.096.486	14.096.486
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.096.486	14.096.486
- Cổ phiếu phổ thông	14.096.486	14.096.486
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/ cổ phần.		

e) Các quỹ của công ty

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Quỹ đầu tư phát triển	124.241.027.257	124.241.027.257
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu (*)	14.815.755.392	14.816.955.392
	139.056.782.649	139.057.982.649

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Lầu 5, Số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

(*) Chi tiết bao gồm:

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Quỹ dự trữ tăng vốn điều lệ	11.650.000.000	11.650.000.000
Quỹ đối ngoại phát triển kinh doanh	3.165.755.392	3.166.955.392
	14.815.755.392	14.816.955.392

20 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**a) Tài sản thuê ngoài**

Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại địa phương nơi đặt chi nhánh để sử dụng với mục đích làm kho bãi cung cấp dịch vụ thời hạn từ 02 đến 50 năm. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Công ty ký hợp đồng thuê đất tại phường Phú Thuận, Quận 7, Tp Hồ Chí Minh, vị trí khu đất được xác định theo bản đồ số 10547-1/GD-ĐCND tỷ lệ 1/2000 do Sở địa chính - Nhà đất duyệt ngày 02/12/1999 để sử dụng với mục đích đầu tư xây dựng kho bãi và sửa chữa container từ năm 2000 đến năm 2050. Diện tích khu đất thuê là 10.000 m2. Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất một lần cho cả thời hạn thuê theo quy định hiện hành của Nhà nước.

b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2021	01/01/2021
- Đô la Mỹ (USD)	4.115.647,65	3.014.937,76

c) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Nợ khó đòi đã xử lý	7.910.115.627	7.910.115.627
	7.910.115.627	7.910.115.627

21 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Doanh thu đại lý tàu	54.679.679.747	51.721.998.576
Doanh thu đại lý vận tải	1.261.398.513.549	662.574.999.520
Doanh thu kinh doanh kho bãi	136.545.794.362	172.829.800.907
Doanh thu kiểm kiện	27.705.004.713	25.242.283.147
Doanh thu đại lý Liner	29.680.466.431	11.154.391.985
Doanh thu dịch vụ khác	95.511.952.860	89.622.930.473
	1.605.521.411.662	1.013.146.404.608
	2.004.714.414	590.768.203

Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 35)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Lầu 5, Số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Giá vốn đại lý tàu	25.822.421.118	25.828.291.429
Giá vốn đại lý vận tải	1.229.522.264.159	641.279.482.195
Giá vốn kinh doanh kho bãi	128.856.169.924	164.561.798.116
Giá vốn kiểm kiện	17.032.534.165	15.946.720.006
Giá vốn đại lý Liner	19.215.050.332	6.899.394.153
Giá vốn dịch vụ khác	87.442.831.148	82.680.318.128
	1.507.891.270.846	937.196.004.027

23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi	5.874.924.093	4.165.107.070
Lãi bán các khoản đầu tư	1.757.377.111	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.715.930.725	16.650.538.698
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	5.322.855.271	2.617.713.477
	14.671.087.200	23.433.359.245

Trong đó: Doanh thu hoạt động tài chính đối với các bên liên quan
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 35)

	1.715.930.725	16.650.538.698
--	----------------------	-----------------------

24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền vay	-	17.011.825
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	2.327.440.125	1.369.270.282
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	562.163.273	42.908.300
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(932.935.823)	605.991.999
Chi phí tài chính khác	11.133.231	168.600
	1.967.800.806	2.035.351.006

25 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	3.117.409.210	2.766.484.221
Chi phí nhân công	37.726.177.297	37.556.442.635
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.532.127.788	3.369.840.154
Hoàn nhập dự phòng	(42.522.901)	(5.123.339.429)
Thuế, phí, lệ phí	2.309.230.223	3.195.834.321
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.901.334.606	10.721.734.438
Chi phí khác bằng tiền	4.078.343.999	2.874.692.895
	60.622.100.222	55.361.689.235

26 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	78.000.000	-
Xử lý các khoản công nợ	126.646.156	-
Thu nhập khác	87.191.006	508.004.395
	291.837.162	508.004.395

27 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí đóng góp quỹ vaccine phòng Covid-19	1.900.000.000	-
Các khoản bị phạt	3.179.249	232.088.874
Chi phí khác	79.007.836	8.548.245
	1.982.187.085	240.637.119

28 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	48.020.977.065	42.254.086.861
Các khoản điều chỉnh tăng	1.588.379.505	1.129.483.539
- Chi phí không hợp lệ	373.188.262	66.641.721
- Lỗi đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ	768.425.170	94.818.530
- Hoàn nhập lãi CLTG chưa thực hiện năm trước	49.851.095	59.860.444
- Tiền phạt vi phạm hành chính	3.179.249	220.962.844
- Thù lao Hội đồng quản trị	393.735.729	687.200.000
Các khoản điều chỉnh giảm	(1.840.270.937)	(16.893.974.391)
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ	(29.521.682)	(49.851.095)
- Hoàn nhập lỗ CLTG chưa thực hiện năm trước	(94.818.530)	(193.584.598)
- Cổ tức được chia	(1.715.930.725)	(16.650.538.698)
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	47.769.085.633	26.489.596.009
	9.553.817.127	5.297.919.202
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)		
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	810.339.192	751.331.677
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(6.997.919.202)	(5.238.911.687)
	3.366.237.117	810.339.192
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm		

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Lầu 5, Số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

29 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	38.467.159.938	36.956.167.659
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	38.467.159.938	36.956.167.659
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	14.096.486	14.096.486
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.729	2.622

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

30 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	8.234.648.635	7.532.810.061
Chi phí nhân công	116.689.052.008	101.534.466.573
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.461.240.115	12.503.235.616
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.447.748.226.150	826.278.085.039
Chi phí khác bằng tiền	24.019.222.006	51.331.819.105
	1.608.152.388.914	999.180.416.394

31 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị ghi sổ kế toán			
	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	287.336.178.633	-	209.776.632.670	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	244.259.983.959	(222.008.089)	188.240.342.045	(264.530.990)
Các khoản cho vay	30.000.000.000	-	23.220.000.000	-
Đầu tư dài hạn	8.138.539.361	-	9.920.160.000	(720.900.000)
	569.734.701.953	(222.008.089)	431.157.134.715	(985.430.990)
	Giá trị ghi sổ kế toán			
	31/12/2021		01/01/2021	
	VND	VND	VND	VND
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán, phải trả khác	334.037.809.991		191.044.707.820	
Chi phí phải trả	24.923.219.843		6.082.815.618	
	358.961.029.834		197.127.523.438	

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2021				
Đầu tư dài hạn	-	-	8.138.539.361	8.138.539.361
	-	-	8.138.539.361	8.138.539.361
Tại ngày 01/01/2021				
Đầu tư dài hạn	-	-	9.199.260.000	9.199.260.000
	-	-	9.199.260.000	9.199.260.000

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Lầu 5, Số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2021				
Tiền và các khoản tương đương tiền	287.336.178.633	-	-	287.336.178.633
Phải thu khách hàng, phải thu khác	235.010.619.982	9.027.355.888	-	244.037.975.870
Các khoản cho vay	30.000.000.000	-	-	30.000.000.000
	552.346.798.615	9.027.355.888	-	561.374.154.503
Tại ngày 01/01/2021				
Tiền và các khoản tương đương tiền	209.776.632.670	-	-	209.776.632.670
Phải thu khách hàng, phải thu khác	179.015.865.567	8.959.945.488	-	187.975.811.055
Các khoản cho vay	23.220.000.000	-	-	23.220.000.000
	412.012.498.237	8.959.945.488	-	420.972.443.725

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2021				
Phải trả người bán, phải trả khác	333.150.483.907	887.326.084	-	334.037.809.991
Chi phí phải trả	24.423.219.843	-	500.000.000	24.923.219.843
	357.573.703.750	887.326.084	500.000.000	358.961.029.834
Tại ngày 01/01/2021				
Phải trả người bán, phải trả khác	190.195.381.736	849.326.084	-	191.044.707.820
Chi phí phải trả	5.582.815.618	-	500.000.000	6.082.815.618
	195.778.197.354	849.326.084	500.000.000	197.127.523.438

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

32 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm	-	195.000.000
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường		

33 . THÔNG TIN KHÁC

Ngày 18/06/2021, Ông Trịnh Vũ Khoa đã có đơn trình bày nguyện vọng không tiếp tục làm nhiệm vụ người đại diện phần vốn của Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam, không tham gia thành viên Hội đồng quản trị, thôi giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đại lý Hàng Hải Việt Nam và Giám đốc chi nhánh VOSA Quảng Ninh từ ngày 02/07/2021. Theo Nghị quyết 04/2021/NQ-HĐQT ngày 30 tháng 06 năm 2021, Hội đồng quản trị Công ty đã quyết nghị đồng ý để ông Trịnh Vũ Khoa thôi giữ chức vụ Tổng Giám đốc từ ngày 02/07/2021. Đối với chức vụ thành viên Hội đồng quản trị của ông Trịnh Vũ Khoa, Hội đồng quản trị sẽ trình Đại hội đồng cổ đông gần nhất thông qua việc bãi miễn tư cách thành viên hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Lầu 5, Số 12 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

34 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

35 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam (Vitranschart)	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship (Vinaship)	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam (Vosco)	Cùng Công ty mẹ
Công ty TNHH Vận tải hàng Công nghệ cao (Transvina)	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vinalines Nha Trang	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam	Cùng Công ty mẹ
Công ty TNHH NYK Auto Logistics (Việt Nam)	Công ty nhận vốn đầu tư
Công ty Yusen Logistics (Singapore) Pte., Ltd	Bên liên doanh
Công ty TNHH Yusen Logistics Việt Nam	Công ty nhận vốn đầu tư
Công ty liên doanh Bông Sen	Công ty nhận vốn đầu tư
Công Ty Cổ Phần Phát Triển Hàng Hải	Cùng Công ty mẹ
Công Ty Cổ Phần Vận Tải Biển Và Hợp Tác Lao Động Quốc Tế	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty TNHH Khai thác Container Việt nam (Vinabridge)	Cùng Công ty mẹ

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.004.714.414	590.768.203
- Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship (Vinaship)	368.000	39.335.273
- Công Ty Cổ Phần Vận Tải Biển Và Hợp Tác Lao Động Quốc Tế	762.073.217	-
- Công ty CP Vận tải biển và TM Phương Đông	1.240.476.197	-
- Công ty Cổ phần Cảng Hải phòng (Hai Phong Port)	-	3.765.000
- Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam (Vosco)	-	430.066.339
- Công ty Vận tải Biển Vinalines	-	52.363.637
- Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn Dương Vinashin	-	32.727.272
- Công ty Cổ phần Đại lý Tàu biển và Logistics Vosco (Voscal)	-	27.288.182
- Công ty TNHH Vận tải hàng Công nghệ cao (Transvina)	1.797.000	4.972.500
- Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam	-	250.000
	1.715.930.725	16.650.538.698
Cổ tức được chia	1.715.930.725	15.674.093.060
- Công ty Yusen Logistics (Singapore) Pte., Ltd	-	938.800.000
- Công ty TNHH Yusen Logistics Việt Nam	-	37.645.638
- Công ty liên doanh Bông Sen	-	-

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng	125.410.683	129.552.183
- Công ty Cổ phần Vinalines Nha Trang	125.410.683	125.410.683
- Công ty Cổ phần Cảng Hải phòng (Hai Phong Port)	-	4.141.500
- Công ty CP Vận tải biển và TM Phương Đông	24.971.120	-
Phải trả cho người bán ngắn hạn	396.861.435	-
- Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn	396.861.435	-
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	-	8.821.711
- Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam (Vosco)	-	8.821.711
Phải trả khác ngắn hạn	4.130.184	-
- Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng	4.130.184	-

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Thu nhập của thành viên trong Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị	2.118.486.915	2.113.920.980
- Ông Đỗ Tiến Đức	34.595.509	12.000.000
- Ông Vũ Phước Long	228.886.075	-
- Ông Nguyễn Đình Tú	185.246.364	-
- Bà Nguyễn Thị Thanh Trang	515.156.698	565.550.368
- Bà Nguyễn Bích Thảo	438.170.486	469.422.332
- Ông Trần Hồng Quang	100.050.938	128.816.000
- Ông Nguyễn Thế Tiếp	100.050.938	128.816.000
- Ông Ngô Thanh Tùng	105.565.831	128.816.000
- Bà Nguyễn Thị Thanh Hà	88.068.022	-
- Ông Trịnh Vũ Khoa	322.696.054	680.500.280


36 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Người lập


 Nguyễn Phước Quý Hùng

Phó Trưởng phòng TCKT phụ trách


 Võ Trung Thắng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 03 năm 2022


 Phó Tổng Giám đốc phụ trách
 Võ Phước Long